

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 187 /CCT-TH

Cần Thơ, ngày 07 tháng 6 năm 2018

V/v công bố thông tin tổ chức Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quý cổ đông Công ty.

1. Tên công ty niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ.

2. Mã chứng khoán: CCT.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4. Điện thoại: (84.710)6 516463. Fax: (84.710)3 917395.

5. Nội dung của thông tin công bố: Công bố thông tin tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, gồm:

- Thời gian thực hiện: **08h00'** ngày 22 tháng 6 năm 2018.

- Địa điểm tổ chức: Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ).

- Tỷ lệ phân quyền: 01 cổ phiếu – 01 quyền biểu quyết.

- Nội dung Đại hội: Thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Toàn bộ tài liệu phục vụ cho công tác tổ chức và biểu quyết tại đại hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://canthoport.com.vn>
mục Quan hệ cổ đông – Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Trụ sở chính: Số 02, Kv. Phú Thẳng, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: 0292 6516483

Fax: 0292 3917395

Website: www.canthoport.com.vn

Email: canthoport.info@gmail.com.

THƯ MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ với chi tiết như sau:

1. Thời gian: **08h00 - 12h00, ngày 22/6/2018.**

2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ, số 02 khu vực Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

3. Nội dung: Thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018.

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và định hướng năm 2018.

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và định hướng năm 2018.

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

- Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2018.

- Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

- Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

4. Để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được chu đáo, rất mong quý cổ đông đăng ký tham dự cho Công ty. Thời gian đăng ký từ ngày **07/6/2018** đến **16 giờ** ngày **21/6/2018**.

5. Cổ đông đăng ký tham dự hay ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông vui lòng đăng ký qua điện thoại, fax hoặc email tại:

- **Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ**

- Số 02, khu vực Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ.

- Điện thoại: 0292 6516483

Fax: 0292 3917395.

- Email: canthoport.info@gmail.com.

6. Hồ sơ đăng ký ủy quyền cho người khác tham dự bao gồm: Giấy ủy quyền tham dự, bản sao giấy Chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu của cổ đông.

7. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được đăng tải trên website của Cảng Cần Thơ tại địa chỉ www.canthoport.com.vn kể từ ngày **07/6/2018**.

8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tham dự đại hội vui lòng mang theo CMND/CCCD hoặc hội chiếu và **mang theo thư mời này** để việc kiểm tra tư cách đại biểu tham dự được thực hiện nhanh chóng.

Cần Thơ, ngày 06 tháng 6 năm 2018

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lâm Tiến Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Trụ sở chính: Số 02, Kv. Phú Thẳng, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: 0292 6516483

Fax: 0292 3917395

Website: www.canthoport.com.vn

Email: canthoport.info@gmail.com.

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

I. Thông tin cổ đông:

Cổ đông: Số ĐKCD:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số CMND/CCCD/HC/ĐKKD: ngày cấp: nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu tại thời điểm đăng ký: (cổ phần)

Căn cứ thư mời của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ, tôi xin xác nhận việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ như sau:

1. Trực tiếp tham dự ĐHĐCD:

2. Ủy quyền cho người khác tham dự:

II. Thông tin chi tiết về người được ủy quyền như sau:

Họ tên: Số ĐKCD (nếu có):

Số CMND/CCCD/HC/ĐKKD: ngày cấp: nơi cấp:

Số cổ phần ủy quyền: cổ phần (Cổ đông không điền phần này xem như ủy quyền toàn bộ số cổ phần sở hữu nêu tại phần I).

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm 2018

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

– Nếu Cổ đông trực tiếp tham dự đại hội đề nghị đánh dấu vào phần 1 và ký xác nhận phần chữ ký của Cổ đông

– Nếu Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự đại hội đề nghị điền đầy đủ thông tin về người được ủy quyền trong phần II. Hai bên ủy quyền và nhận ủy quyền ký xác nhận vào phần II

– Nếu cổ đông là tổ chức thì chữ ký trong các phần phải là chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức.

Đề nghị Quý cổ đông gửi trước giấy xác nhận này về Văn phòng Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ theo số fax 0292.3917395 hoặc email đến địa chỉ canthoport.info@gmail.com để xác nhận tham dự trước ngày 21/6/2018. Khi tới dự họp, đề nghị quý vị mang theo bản gốc Chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu và giấy đăng ký này (bản gốc, có đầy đủ thông tin và chữ ký theo quy định) để làm thủ tục đăng ký đại biểu.

Cần Thơ, ngày 06 tháng 6 năm 2018

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Thời gian: *08h00 ngày 22 tháng 6 năm 2018*

Địa điểm: *Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ*

Thời gian	Nội dung dự kiến	Chủ trì
08h00-08h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban tổ chức
	- Kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu họp cho cổ đông	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
08h30-08h50	* Thủ tục khai mạc	
	- Chào cờ, khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và cổ đông	Ban tổ chức
	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	- Biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch	Ban tổ chức
	- Giới thiệu Ban thư ký	
	- Biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu	
- Chủ tọa giới thiệu, đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội	Đoàn Chủ tịch	
08h50-11h30	* Nội dung đại hội	
	1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018;	Tổng giám đốc
	2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và định hướng năm 2018;	Đại diện HĐQT
	3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và định hướng năm 2018;	Đại diện BKS
	4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018;	Đại diện Ban điều hành
	5. Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2018;	Đại diện HĐQT
6. Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;	Đại diện BKS	

Thời gian	Nội dung dự kiến	Chủ trì
	7. Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;	Đại diện HĐQT
	8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.	Đoàn chủ tịch
	- Chủ tọa điều hành Đại hội thảo luận và xin ý kiến biểu quyết của Cổ đông về các nội dung được trình bày tại Đại hội.	Đoàn chủ tịch
	Nghỉ giải lao	
	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội	Ban kiểm phiếu
	Phát biểu của đại biểu (nếu có)	
	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Đoàn chủ tịch
	Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông	Ban thư ký
11h30-11h40	* Bế mạc đại hội	Đoàn chủ tịch

**CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ NĂM 2018**

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và định hướng năm 2018; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và định hướng năm 2018;

Nội dung 2: Thông qua đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018.

Nội dung 3: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ và Quy chế quản trị công ty.

Nội dung 4: Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2018.

Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

Số: /BC-CCT

Cần Thơ, ngày tháng năm 2018

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

1. Các chỉ tiêu cơ bản

a.- Chỉ tiêu sản lượng

- Hàng hoá thông qua: Kế hoạch **2.042.500 tấn**, thực hiện **1.923.664 tấn**, hoàn thành **94,18%**, so với thực hiện 2016 giảm 373.459 tấn, tương ứng giảm 16,26%.

+ Trong đó container: Kế hoạch **15.000 TEUs**, thực hiện **12.703 TEUs**, hoàn thành **84,68%**, so với thực hiện 2016 giảm 6.663 TEUs, tương ứng giảm 34,41%.

- Kinh doanh xăng, dầu: Kế hoạch **840.000 lít**, thực hiện **779.598 lít**, hoàn thành **92,81%**, so với thực hiện 2016 tăng 2.113 lít, tương ứng tăng 0,27%

b - Chỉ tiêu doanh thu:

- Kế hoạch năm 2017 là **91,681 tỷ đồng**, thực hiện đạt **101,766 tỷ đồng**, hoàn thành **111%**, doanh thu năm 2017 tăng **10,085 tỷ đồng**, so với kế hoạch tương ứng tăng 11%, so với thực hiện 2016 doanh thu tăng 8,973 tỷ đồng về giá trị tương ứng tăng 9,67%.

c - Chỉ tiêu chi phí

- Kế hoạch năm 2017 là **91,681 tỷ đồng**, thực hiện **101,678 tỷ đồng**, hoàn thành **110,90%**, chi phí 2017 **tăng 9,997 tỷ đồng**, so với kế hoạch tương ứng tăng 10,90%, so với thực hiện 2016 chi phí giảm 4,088 tỷ đồng về giá trị, tương ứng giảm 3,86%.

d – Chỉ tiêu lợi nhuận

- Kế hoạch : **Cân bằng Thu – Chi**, thực hiện **Lãi 88 triệu đồng**. Cùng kỳ năm 2016 lỗ: -12,973 tỷ đồng.

e – Chỉ tiêu tiền lương

- Tổng quỹ lương: Kế hoạch **12,800 tỷ đồng**, thực hiện **12,866 tỷ đồng**, hoàn thành **100,51%**.

- Thu nhập bình quân 1 lao động/ tháng: Kế hoạch năm 2017 là **6.349.000 đồng/người/tháng**, thực hiện **7.007.000 đồng/người/tháng**, hoàn thành **110,36%**. So

với thực hiện 2016 thu nhập bình quân **6.164.488 đồng/người/tháng**, thực hiện năm 2017 đạt 7.007.000 đồng/người/tháng, mức cải thiện thu nhập tăng **842.512 đồng/người/tháng**, tương ứng mức tăng thu nhập **13,66%** so với năm 2016, từng bước nâng cao đời sống của người lao động.

BẢNG SỐ LIỆU KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017

S T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T.hiện 2016	NĂM 2017			+/- TH 2017/2016	
				K.H	T.H	% H.T	Giá trị	Tỷ lệ
A	SẢN LƯỢNG							
1	Hàng thông qua	TTQ	2.075.838	2.042.500	1.923.664	94,18	-152.174	- 7,33%
	<i>Trong đó Container</i>	TEUS	19.366	15.000	12.703	84,68	- 6.663	- 34,41%
2	Xăng dầu	Lít	777.485	840.000	779.598	95,19	+ 2.113	+ 0,27%
B	TÀI CHÍNH							
1	Doanh thu	Tỷ đồng	92,793	91,681	101,766	111	+ 8,973	+ 9,67%
2	Chi phí	Tỷ đồng	105,766	91.681	101,678	110,90	- 4,088	- 3,86%
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	-12,973	Cân bằng	0,088			
C	LĐ & TIỀN LƯƠNG							
1	Lao động đến 31/12	Người	161	168	162			
2	Lao động B.quân/tháng	Người	182		153			
3	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	12,286	12,800	12,866	100,51	+ 0,580	+ 4,72%
4	Tiền lương 1 LĐ b/q/ tháng	Đồng	6.164.488	6.349.000	7.007.000	110,36	+ 842.512	+ 13,66%

2. Đánh giá chung về những yếu tố có tác động đến kết quả SXKD năm 2017

2.1. Công tác khai thác Cảng

Bên cạnh những thành quả đạt được, Cảng Cần Thơ không thể không kể đến những thách thức đang phải đối mặt:

- Mức độ cạnh tranh ngày càng lớn của các cảng lân cận trong khu vực, giá dịch vụ cạnh tranh thiếu bình đẳng.

- Luồng hàng hải vào cảng qua cửa Định An và Kênh Quan Chánh Bó vẫn chưa thật sự thông thoáng cho các tàu trọng tải lớn vào cảng.

- Các khu công nghiệp lân cận chưa thu hút được nhà đầu tư dẫn đến chân hàng của cảng chưa phát triển.

- Hệ thống trang thiết bị còn lạc hậu, thiếu đồng bộ và mức tiêu thụ nhiên liệu, sửa chữa cao.

a.- Một số mặt hàng giảm sản lượng như

- Giảm mạnh nhất là mặt hàng Gạo nội địa và tiêu ngạch. Năm 2016 đạt **660.333 tấn** chiếm 28,75% tổng sản lượng hàng thông qua. Năm 2017 chỉ thực hiện **275.287 tấn** chiếm 14,31% tổng sản lượng thông qua cảng, **giảm 385.046 tấn** tương ứng mức sụt giảm 58,31% so với 2016. Nguyên nhân do ảnh hưởng sức mua qua đường tiêu ngạch của thị trường chính là Trung Quốc giảm trong năm 2017. Tuy nhiên sản lượng Gạo xuất chính ngạch xuất sang thị trường này vẫn đang xuất theo hình thức đóng container tại cảng Mỹ Thới, Tân Cảng Thốt Nốt, Tân Cảng Trà Nóc và một số đóng trực tiếp trên sà lan tại bến thủy nội địa của các kho gạo sau đó chuyển lên các cảng khu vực Tp.Hồ Chí Minh, Vũng Tàu với sản lượng khá lớn trong tổng sản container nhập - xuất qua 2 cảng Mỹ Thới và cảng Trà Nóc 2017 là 43.301 TEUs (*dẫn nguồn thống kê báo cáo của VPA 2017*).

- Mặt hàng Gỗ tròn lóng nhập khẩu năm 2016 đạt **96.175 tấn**, năm 2017 thực hiện **63.331 tấn giảm 32.844 tấn** tương ứng 34,15% so với 2016. Nguyên nhân do các doanh nghiệp nhập khẩu thay đổi thị trường mua từ khu vực Đông Nam Á sang các nước xa hơn như: Úc, Solomon, Myanmar bắt buộc phải thay đổi phương tiện vận chuyển từ Lash biển sang tàu biển có trọng tải trên 5.000 DWT trong khi luồng Định An và kênh Quan Chánh Bó chưa thuận lợi cho tàu trọng tải lớn vào.

- Cọc bê tông giảm 55.344 tấn, Xi măng xá giảm 7.925 tấn, Gỗ trầm cây giảm 13.238 tấn , Gỗ dăm giảm 24.655 tấn, nhóm hàng Sắt thép xây dựng giảm 5.601 tấn, Bột cá giảm 17.304 tấn, Mỡ cá giảm 10.728 tấn Đường cát giảm 8.939 tấn,... do các nguyên nhân như:

+ Một số dự án có nhu cầu về nguồn vật tư xây dựng đi qua cảng đã cơ bản hoàn thành (Nhà máy Lee & Man, Nhà máy Tân Hiệp Phát Hậu Giang, Nhiệt điện Sông Hậu,...);

Ngừng hoạt động như gỗ dăm của Công ty gỗ Thúy Sơn, Cầu Vàm Cống;

+ Doanh nghiệp giảm quy mô thị trường như: Cty Runlong xuất khẩu mỡ cá; 1 Công ty xuất khẩu bột cá;

+ Hoặc một số doanh nghiệp thay đổi địa bàn thuê kho như mặt hàng Đường cát của Cty Pepsi Cần Thơ; và thay đổi phương thức vận chuyển từ tàu biển, Sà lan sang vận chuyển đường bộ do các đơn hàng nhỏ lẻ hoặc thay đổi nhà cung ứng nguyên liệu sản xuất như nguồn thép phôi của Cty Thép Tây Đô, Cty Linford cung ứng tôn cuộn cho thị trường ĐB SCL,...

b.- Các mặt hàng giảm do chia sẻ thị phần

- **Mặt hàng container** trên địa bàn Cần Thơ đi qua các Cảng Trà Nóc, Cảng Cái Cui, Cảng Hoàng Diệu và Tân Cảng Cái Cui qua số liệu thống kê năm 2016 và 2017 (*dẫn nguồn thống kê báo cáo của VPA 2017*) gần như cân bằng : Năm 2016 đạt 32.593TEUs năm 2017 đạt 32.708TEUs. Mức tăng trưởng của thị trường hàng container qua khu vực Cần Thơ dự báo chỉ đạt khoảng 10 – 15%/ năm tuy nhiên lượng hàng container qua cảng bằng sà lan đang gặp sự cạnh tranh rất mạnh của phương thức vận tải đường bộ (kết hợp hàng hai chiều) do có ưu thế về thời gian vận chuyển ngắn, chi phí xếp dỡ thấp và tác nghiệp xếp dỡ chỉ trong hai phương án Xe => Bãi và Bãi => Xe, trong khi vận chuyển bằng sà lan ít nhất tác nghiệp xếp dỡ phải qua từ 4 đến 6 tác nghiệp cho 1 container . Song song với yếu tố cạnh tranh từ phương thức vận tải thì việc hình thành Tân Cảng Cái Cui tạo ra yếu tố chia sẻ thị phần của Cảng Cần Thơ đối với mặt hàng này. Vì vậy chỉ tiêu sản lượng về hàng container 2017 không đạt mức kế hoạch.

Riêng các năm sản lượng container tăng đột biến là do có dự án hoặc nhà máy lớn xây dựng trong khu vực như Nhà máy Lee & Man trong 3 năm lắp đặt thiết bị nhà máy sản lượng thông qua chỉ riêng Cảng Cần Thơ đạt lần lượt 19.308TEUs/ 2014 – 25.469TEUs/2015 – 19.366 TEUs/2016 mà trong đó phần lớn là container của Lee & Man. Sau khi nhà máy hoàn thành thì sản lượng Container qua các cảng trở về mức ổn định của thị trường với một số mặt hàng truyền thống như Gạch Men, Than đá, Gạo, mỡ cá, Phân bón và một số mặt hàng nguyên liệu khác.

- **Mặt hàng Clinker** của Nhà máy xi măng Hậu Giang qua Cảng Cái Cui từ tháng 9/ 2017 mỗi tháng giảm khoảng 25.000 đến 30.000 tấn, do đặc điểm về vị trí địa lý, cung đường vận tải ngắn chủ hàng đã chuyển toàn bộ dịch vụ xếp dỡ Clinker từ Cảng Cái Cui về Cảng Vinalines Hậu Giang.

c.- Một số mặt hàng tăng và mở ra các cơ hội thuận lợi

- **Mặt hàng phân bón** của các doanh nghiệp TRACO, SOTRANS, BACONCO và các doanh nghiệp tiềm năng khác bao gồm cả hàng đóng bao và hàng rời đang có chiều hướng gia tăng sản lượng, chuyển địa bàn lưu trữ và phân phối tại khu vực Tp.Hồ Chí Minh, Long An về khu vực Cần Thơ cụ thể: Năm 2016 đạt 17.660 tấn năm 2017 đạt 117.840 tấn tăng 100.180 tấn.

- **Mặt hàng thép phế liệu** của Công thép Tây Đô dự báo sẽ tăng trưởng tốt sau khi thuê thêm 5.000m² bãi chứa hàng tại Cảng Hoàng Diệu. Mức tăng trưởng mặt hàng này đạt đến 103,75% trong năm 2017: Sản lượng 2016 đạt 42.784 tấn năm 2017 đạt 87.172 tấn.

- **Gom vét Than đá** tại các nhà máy điện trong khu vực là thị trường có tiềm năng lớn trong năm 2018 và các năm sau.

2.2. Công tác tổ chức tiền lương

- Nguyên tắc xác định trả lương cho người lao động

+ Việc trả lương cho người lao động căn cứ theo kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty và mức độ đóng góp của người lao động theo nguyên tắc làm nhiều, làm ít hưởng ít; đảm nhận công việc, chức vụ được phân công thì hưởng lương theo công việc, chức vụ đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức danh thì hưởng lương theo công việc mới, chức danh mới.

+ Tiền lương trả cho người lao động không thấp hơn lương tối thiểu vùng theo quy định của nhà nước tại từng thời điểm.

- Nguyên tắc xác định trả lương cho người quản lý Công ty

+ Việc trả lương cho người quản lý công ty phát triển vốn, bảo đảm tiền lương và thu nhập của người lao động không giảm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người lao động và nhà nước theo quy định của pháp luật, các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh kế hoạch tăng so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách tăng so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề. Ngược lại, không bảo toàn và phát triển vốn, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người lao động và nhà nước theo quy định của pháp luật, tiền lương và thu nhập của người lao động và các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh kế hoạch giảm so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách giảm so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề.

+ Quỹ tiền lương của người quản lý công ty được xác định theo năm, tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động và được xác định thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

+ Tiền lương của người quản lý công ty được hạch toán vào chi phí kinh doanh và đương thể hiện bằng mục riêng trên báo cáo tài chính hàng năm.

- Quỹ tiền lương kế hoạch

+ Xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm của người lao động tuân thủ nguyên tắc năng suất lao động và lợi nhuận tăng thì tiền lương bình quân tăng; năng suất lao động và lợi nhuận giảm thì tiền lương giảm. Chỉ tiêu năng suất lao động bình quân được tính theo tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương chia cho số lao động bình quân trong năm.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý công ty được xác định theo Thông tư 28 của Bộ lao động thương binh xã hội và được Đại hội đồng cổ đông thông qua căn cứ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

- Chính sách phân phối tiền lương

+ Phân phối tiền lương trong năm gắn liền với năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và các cá nhân người lao động đúng theo quy định nhà nước.

+ Tiền lương của người quản lý Công ty được chi trả gắn với mức độ đóng góp vào hiệu quả sản xuất kinh doanh và kết quả quản lý, điều hành trong năm.

+ Thực hiện việc giao quỹ tiền lương (thông qua giao đơn giá tiền lương) đến từng tổ (đội) từ đó tạo động lực cho từng đơn vị phấn đấu gắn kết hiệu quả sản xuất kinh doanh và tiền lương thụ hưởng trên cơ sở tiết giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Kết quả đạt được: đời sống cán bộ công nhân viên lao động dần được cải thiện và từng bước hình thành được quỹ tiền lương dự phòng cho cuối năm 2017.

+ Xây dựng mới Bộ đơn giá sản phẩm phù hợp với tình hình SXKD của các đơn vị trực thuộc; nguồn hàng hóa, năng suất lao động trong doanh nghiệp.

+ Xây dựng, bổ sung mới thang lương, bảng lương Công ty theo Nghị định 49/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương; Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng từ ngày 01/01/2018.

+ Xây dựng quy chế trả lương và Bảng hệ số chức danh công việc của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ làm cơ sở phân phối quỹ tiền lương hàng tháng đến người lao động theo mức độ hoàn thành công việc.

- Công tác bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động: Năm 2017, Cảng Cần Thơ đánh giá nhu cầu cần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nhằm phát triển lực lượng lao động chất lượng cho tương lai, đơn vị đã tổ chức cử 05 người lao động tập huấn vận hành cần trục Kone tại Cảng Sài Gòn; Mời Trường công nhân kỹ thuật Cảng Sài Gòn đào tạo nghiệp vụ khai thác cảng và giao nhận hàng hóa cho 35 lao động; Cử 03 cán bộ tham gia tập huấn an toàn lao động do Sở Lao động - Thương binh xã hội Cần Thơ tổ chức. Bên cạnh đó, đơn vị cũng thường xuyên cử cán bộ công nhân viên tham dự các hội nghị tập huấn chuyên môn do các Bộ ngành, cơ quan tổ chức... Qua các khóa đào tạo người lao động không ngừng nắm vững được lý thuyết mà còn tiếp thu được những kỹ năng nghề nghiệp, làm quen và có thể sử dụng thành thạo những công nghệ vận hành thiết bị trong sản xuất kinh doanh và quản lý. Điều đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể áp dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật vào quá trình sản xuất, thích ứng với sự thay đổi của cơ chế thị trường và sự cạnh tranh với các doanh nghiệp khác để có thể tồn tại và phát triển.

2.3. Công tác tài chính kế toán

- Tổng hợp kết quả SXKD, lập báo cáo kế toán thống kê được rút ngắn về mặt thời gian (ngày 15 hàng tháng có kết quả SXKD của tháng trước), từng bước chuyên

sâu công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh (tính hợp lý giữa Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận) góp phần vào quá trình kiểm soát thực hiện kế hoạch của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong Công ty và các đơn vị thành viên. Thực hiện soạn thảo các văn bản về qui chế quản lý và triển khai các quy trình nghiệp vụ về tài chính kế toán và kiểm tra, kiểm toán.

- Ghi chép để phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống diễn biến các nguồn vốn cấp, vốn vay. Giải quyết các loại vốn, phục vụ cho việc huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hoá trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Đơn đốc thanh quyết toán với khách hàng.

- Chủ trì công tác công nợ của Công ty, kiểm tra, kiểm soát, phân tích tình hình công nợ đưa ra các đánh giá khả năng rủi ro, đề ra các giải pháp thu hồi, đơn đốc và chỉ đạo các thành viên thu hồi công nợ của các chi nhánh. Các khoản nợ tồn tại trước năm 2016 từng bước đề xuất xử lý các khoản nợ xấu, nợ mất khả năng thu hồi và tiếp tục tích cực thu hồi nợ quá hạn. Năm 2017 không để phát sinh thêm nợ xấu, nợ không có khả năng thu hồi.

- Kết hợp với Phòng Tổng hợp xây dựng tổng quỹ tiền lương và xét duyệt phân bổ quỹ tiền lương, xây dựng đơn giá tiền lương, kinh phí hành chính hàng năm của Công ty và các đơn vị trực thuộc, đồng thời tham gia xét duyệt tiền công, tiền lương cho cán bộ công nhân viên hàng tháng.

- Lưu trữ, bảo quản, giữ gìn bí mật các chứng từ, số liệu tài chính kế toán theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý của Công ty.

- Thực hiện nhiệm vụ với các Chi nhánh trực thuộc:

- + Cơ bản Ban TCKT các Chi nhánh tuân thủ chỉ đạo của phòng TCKT.

- + Tháng 4 năm 2017, cùng với chủ trương tái cơ cấu Cảng Cần Thơ của TCT HHVN, bộ máy Tài chính Kế toán của đơn vị cũng có những thay đổi để phù hợp với hoạt động chung. Cụ thể, đã thực hiện chuyển đổi từ hạch toán báo sổ sang hình thức giao quyền tự chủ cho các chi nhánh. Với vai trò lãnh đạo của mình, P.TCKT đã có sự kiểm tra, hướng dẫn kịp thời trong hạch toán, quản trị đúng theo quy định của chuẩn mực Tài chính Kế toán nói chung và của công ty nói riêng. Từ đó, có thể phản ánh nhanh chóng và kịp thời các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận đến từng ngày, kịp thời chấn chỉnh những sai sót phát sinh, làm cơ sở tham mưu cho Ban điều hành.

2.4. Về thực hiện các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ

Trong năm 2017 bằng phương pháp quản lý mới về lĩnh vực kỹ thuật đã có nhưng thay đổi về tư duy, cũng như cách làm và đã mang lại một số hiệu quả đáng kể, cụ thể như sau:

- Với phương châm nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị, tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có của đơn vị, bộ phận kỹ thuật đã rà soát đánh giá lại ưu điểm và phân loại thiết

bị để đáp ứng cho từng loại hàng, đồng thời đánh giá, phân tích tiềm năng cơ cấu mặt hàng của từng chi nhánh, để từ đó có chiến lược luân chuyển thiết bị giữa các chi nhánh và phân bố thiết bị hợp lý, việc làm này đã làm giảm chi phí thuê thiết bị ngoài trong năm so với năm trước là khoảng 2,4 tỷ đồng.

- Thực hiện tốt nguyên tắc phòng bệnh hơn chữa bệnh, trong năm qua công tác chăm sóc bảo dưỡng được triển khai và thực hiện nghiêm túc, chính vì thế mặc dù thiết bị cũ lạc, hậu nhưng ít trường hợp hư hỏng đột xuất trong quá trình làm hàng, đồng thời thiết bị luôn trong tư thế sẵn sàng phục vụ sản xuất góp phần nâng cao uy tín của đơn vị đối với khách hàng. Bằng phương pháp quản lý theo ngành dọc, mọi thông tin về thiết bị được cập nhật nhật ký thường xuyên, hàng ngày nên công tác sửa chữa đã cải thiện được chất lượng cũng như chi phí.

- Nhận thấy sự lạc hậu về thiết bị bốc xếp là một trong những khó khăn của đơn vị trong việc tiếp thị, thu hút khách hàng. Chính vì vậy với chiến lược xây dựng Cảng Cần Thơ trở thành cảng trọng tâm của khu vực, chuyên nghiệp, hiện đại, trong năm đã tham gia đấu thầu mua được 2 cần trục chân đế Kone sử dụng năng lượng điện. Song song đó chúng ta cũng đang trong quá trình đàm phán với Cảng Hải Phòng để mang về thêm 4 cần trục chân đế sức nâng 5 – 10 tấn góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu Cảng Cần Thơ.

- Để góp phần tiếp thị quảng bá thương hiệu Cảng Cần Thơ và chinh trang lại mặt tiền Cảng, trong năm đã thực hiện cải tạo Cửa hàng xăng dầu kết hợp với siêu thị Mini thay cho các Kiot nhỏ lẻ lụp xụp không đảm bảo mỹ quan.

- Ngoài ra để ngày càng hoàn thiện hơn cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng môi trường làm việc an toàn, trong năm đã thực hiện kiểm định lại cầu cảng, đăng kiểm bến phao Vàm Cái Sắn; đồng thời thực hiện đầu tư một số hạng mục như:

- + 01 Xe chụp Container hàng.
- + 03 xe đào và 01 xe xúc lật 5 tấn phục vụ gom vét than
- + Hệ thống đóng bao hàng rời.
- + 01 Sơ mi rơ-mooc chuyên dụng.
- + Đầu tư kho hàng tổng hợp với diện tích 3.024 m² .

- Về công tác An toàn vệ sinh lao động luôn được lãnh đạo đơn vị đặc biệt quan tâm, phối hợp Công đoàn, Đoàn Thanh niên tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm đến CNVCLĐ, đoàn viên thực hiện và tuân thủ đúng quy định về ATVSLĐ, tuyệt đối tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy chế của cơ quan về ATVSLĐ trong sản xuất kinh doanh.

- Năm qua Công ty tạo điều kiện cho cán bộ CNVCLĐ, công đoàn viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức về ATLĐ vào các tháng 3/2017, 8/2017 và tháng 10/2017; vừa qua đơn vị đã cử 95 người lao động tham gia 03 lớp tập huấn về

An toàn lao động, thành lập mạng lưới An toàn vệ sinh viên gồm 12 công đoàn viên, phụ trách công tác ATLĐ của Công ty có 03 cán bộ, thường xuyên đôn đốc nhắc nhở mọi người trong toàn đơn vị thực hiện các quy định về An toàn vệ sinh lao động, Công đoàn chủ động kế hoạch hàng năm, tập huấn cho cán bộ công đoàn kiêm nhiệm công tác BHLĐ và lực lượng ATVSV những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia xây dựng kế hoạch An toàn vệ sinh lao động, khắc phục kịp thời những biểu hiện, tác nghiệp thiếu an toàn, chủ động vệ sinh máy móc thiết bị nơi làm việc và môi trường xung quanh.

- Trong năm đã thực hiện kiểm định 31 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.5. Công tác Bảo hộ lao động

- Công tác Bảo hộ lao động được Công đoàn tích cực phối hợp với chuyên môn và các đoàn thể thực hiện thường xuyên; bám sát hiện trường sản xuất, tuyên truyền vận động nhắc nhở CNVCLĐ thực hiện tốt các biện pháp An toàn lao động, quyết tâm không để xảy ra tai nạn lao động, quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp.

- Hội đồng Bảo hộ lao động Công ty hướng dẫn và kiểm tra tình hình thực hiện biện pháp an toàn lao động thông qua các quy định, quy chế, nội quy của đơn vị; xây dựng các chương trình hành động, cải thiện điều kiện làm việc, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp, kịp thời phát hiện các dấu hiệu mất an toàn lao động để phòng tránh và quyết tâm thực hiện mục tiêu đơn vị không để xảy ra tai nạn lao động.

- Về mua sắm trang thiết bị bảo vệ cá nhân

Trang bị quần áo đồng phục cho khối văn phòng và giày, nón, quần áo bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất; ngoài ra còn trang bị thêm giày da, áo phản quang, áo mưa... phù hợp với tình hình thực tế sản xuất; năm 2017 đã chi phí cho công tác này 115.000.000 đồng;

2.6. Công tác Phòng cháy chữa cháy

- Công ty đã ban hành Nội quy PCCC áp dụng trong phạm vi Cảng; tham gia đội PCCC đơn vị gồm có 30 người, năm qua đơn vị từng bước nâng cao công tác tác PCCC tại nơi làm việc, thường xuyên tuyên truyền giáo dục bằng nhiều hình thức như treo các khẩu hiệu, pano, lồng ghép chủ đề PCCC vào các buổi họp, sinh hoạt tổ, đội nhằm nâng cao ý thức cho CNVCLĐ về công tác PCCC và phòng chống cháy nổ; cử CNVCLĐ tham dự tập huấn các lớp bồi dưỡng về công tác PCCC, trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC, giữ các mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan hữu quan trong địa bàn và đặc biệt trong tháng 10 vừa qua đơn vị đã phối hợp với Cảnh sát PCCC thành phố Cần Thơ

và một số đơn vị trong địa bàn tổ chức và tham gia diễn tập thành công tình huống PCCC tại Cảng.

- Qua rà soát về công tác PCCC của các đơn vị, chi nhánh trực thuộc, tại vị trí các kho và cầu tàu vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, cụ thể như sau:

- Cầu tàu số 1 dài 165m đã có thiết kế và thẩm duyệt nhưng hệ thống ống đã hư hỏng hoàn toàn.

- Cầu tàu số 2 dài 200 mét đã có thiết kế và được thẩm duyệt nhưng chưa được thi công.

- Kho hàng số 1 diện tích 3.024 m² đã trang bị hệ thống ống cấp nước quanh kho nhưng chưa có thiết kế được thẩm duyệt và hệ thống báo cháy theo quy định.

- Kho hàng số 2 diện tích 1.200 m² chưa có thiết kế được thẩm duyệt và hệ thống báo cháy theo quy định, đồng thời chưa lắp đặt hệ thống cấp nước quanh kho.

- Kho hàng số 3 diện tích 3.024 m² đã trang bị hệ thống ống cấp nước quanh kho nhưng chưa có thiết kế được thẩm duyệt và hệ thống báo cháy theo quy định.

- Kho hàng số 5 diện tích 3.024 m² đã trang bị hệ thống ống cấp nước quanh kho nhưng chưa có thiết kế được thẩm duyệt và hệ thống báo cháy theo quy định.

- Kho CFS chuyển đổi công năng diện tích 3.024 m² đã có bản vẽ thiết kế thi công nhưng chưa được thẩm duyệt.

- Kho hàng số 4 diện tích 1.224 m², đây là kho của Công ty CP thương mại hàng hải Định An chưa có thiết kế được thẩm duyệt và hệ thống báo cháy theo quy định, đồng thời chưa lắp đặt hệ thống cấp nước quanh kho.

Nhằm thực hiện đúng quy định Luật PCCC năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013, Bộ phận kỹ thuật phòng tổng hợp đã đề xuất phương án hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy như sau:

- Bước 1: Thuê đơn vị Tư vấn thiết kế có chuyên môn về lĩnh vực PCCC thực hiện thiết kế thẩm duyệt PCCC các kho số 1, 2, 3, 5 và CFS chuyển đổi công năng dựa trên hiện trạng đang có tại các kho và bổ sung các hạng mục còn thiếu theo đúng quy định. Ngoài ra đối với kho số 4 của Công ty CP thương mại hàng hải Định An, gửi công văn yêu cầu khách hàng thực hiện bổ sung hồ sơ thẩm duyệt và triển khai thi công hệ thống PCCC theo đúng quy định. Dự kiến thời gian thực hiện từ ngày 15/11/2017 đến 15/3/2018.

- Bước 2: Sau khi đã có thiết kế được thẩm duyệt PCCC, triển khai thực hiện thi công và nghiệm thu theo đúng quy định. Dự kiến thời gian thực hiện từ ngày 01/4/2018 đến 01/7/2018.

2.7. Công tác quản lý môi trường

- Trong năm 2017, vào những tháng mưa lũ, lượng nước khá lớn, để đảm bảo các hệ thống thoát nước, cống rãnh, kho bãi không bị ngập, ú đọng gây ô nhiễm môi trường

giữ trong sạch lành mạnh, đơn vị đã thực hiện công tác quản lý vệ sinh môi trường được triển khai như:

+ Thường xuyên kiểm tra và thực hiện việc nạo vét hồ ga, khơi thông đường cống rãnh, hệ thống thoát nước bên trong và khu vực xung quanh Cảng, các công trình phụ của nhà văn phòng làm việc. Ngoài ra còn thuê lao động công nhật thường xuyên quét, dọn vệ sinh đảm bảo giữ vệ sinh cho cầu cảng, đường nội bộ và quy định các bộ phận tự giữ gìn vệ sinh cho phòng, ban của mình. Hướng dẫn cán bộ chuyên trách ATLĐ, mạng lưới ATVSV, trưởng kho đảm bảo vệ sinh kho, bãi, hiện trường sản xuất.

+ Đơn vị phân công 03 người chuyên trách công tác vệ sinh môi trường, ngoài ra đơn vị còn phân công cụ thể các bộ phận có trách nhiệm theo dõi báo cáo và giải quyết triệt để tình trạng ống thoát nước bị tắc nghẽn, phối hợp với các Công ty có thuê mặt bằng, kho bãi trong Cảng kịp thời san lấp những chỗ mặt bằng bị trũng, đọng nước tránh gây ô nhiễm, mất an toàn.

+ Kiểm tra việc giữ gìn môi trường làm việc trong phạm vi Cảng; sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát quang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị.

2.8. Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động

Năm 2017 thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty tổng cộng 155 người; qua khám sức khỏe định kỳ không phát hiện bệnh nghề nghiệp liên quan đến hoạt động SXKD; (loại 1: 122 người, loại 2: 33 người).

Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật thực hiện cho 61 công nhân lao động trực tiếp theo đúng tiêu chuẩn về công việc, số tiền hơn 40 triệu đồng;

Công đoàn đã phối hợp với Công ty tổ chức cho 17 người lao động có chuyên đi thực tế, phục hồi sức khỏe tại Nha Trang từ ngày 06/7/2017 – 09/7/2017.

2.9. Công tác đôn đốc thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Văn phòng Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo cụ thể đã thành lập Tổ, Ban tiếp người lao động, Tổng giám đốc Công ty: Trưởng ban; định kỳ 02 tháng họp một lần, trừ đột xuất, bắt đầu từ ngày Thứ sáu đầu tiên tháng 9/2017.

Đến nay không có trường hợp nào gửi kiến nghị đến Công ty để giải quyết.

2.10. Công tác hành chính

- Năm 2017, bộ phận hành chính tổng hợp đã tham mưu có hiệu quả cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty về công tác quy hoạch xây dựng tổng thể, hành chính và quản trị.

- Thực hiện trang bị phần mềm Online office: Nhằm mục tiêu phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành bộ máy tổ chức nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, dễ dàng

quản lý công việc. Công tác văn thư lưu trữ của công ty được thực hiện một cách khoa học, gọn nhẹ và nhanh chóng, tiết kiệm chi phí in ấn, photo tài liệu.

II. KẾ HOẠCH NĂM 2018

1.- Kế hoạch sản lượng - doanh thu - lợi nhuận:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	Tăng trưởng	
				Giá trị	%
Sản lượng	TTQ	2.181.000	1.923.664	257.336	13,3%
Doanh thu	Đồng	119.000.000.000	101.766.847.679	17.233.152.321	16,9%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.000.000.000	88.798.726	911.201.274	1.026%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.000.000.000	88.798.726	911.201.274	1.026%

2.- Kế hoạch đầu tư năm 2018

- Tổng mức đầu tư trong năm 2018 là: 39,160 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT) (*Bản kế hoạch đầu tư năm 2018 đính kèm*)

- Thanh lý năm 2018: Kế hoạch thanh lý gồm các danh mục sau:

- + Cần trục Lorain 70 (Chuyển tiếp thanh lý từ năm 2017 sang năm 2018)
- + Cần trục Koehring 440
- + Cần trục Nisha 45T
- + Cần trục Link Belt 45T
- + Xe chụp Container Ferrari 198L

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018

a) Giải pháp quản trị

-Tiếp tục phát huy những kết quả đã thực hiện được sau công tác tái cơ cấu, rà soát điều chỉnh những mặt còn hạn chế để nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Sớm ban hành quy chế quản trị chưa đầy đủ, các quy định chuẩn hoá, các định mức cho mọi hoạt động của của công ty.

-HĐQT, Ban Điều hành tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đảm bảo tính công khai minh bạch trong quản trị và điều hành.

- Tăng cường kỷ luật lao động, giữ vững tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và điều kiện làm việc của người lao động.

b) Giải pháp về kinh doanh

-Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Xác định nhóm các mặt hàng, khách hàng chủ lực có sản lượng lớn có

nhu cầu sử dụng dịch vụ cảng để tập trung khai thác, xây dựng chính sách linh hoạt về giá cả với từng khách hàng theo đơn vị sản lượng để giữ vững thị phần đặc biệt là đối với mặt hàng Gạo cả xuất khẩu và nội địa.

- Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị, công tác cập nhật thông tin khách hàng, thông tin hàng hoá, thông tin về các dự án hoặc các gói dịch vụ trong lĩnh vực kinh doanh của cảng.

- Tăng cường kết nối, liên kết với các doanh nghiệp trong cùng hệ thống cảng biển Việt Nam để thiết lập các chuỗi dịch vụ khép kín với nguồn hàng hoá giao dịch tuyến vận tải Bắc – Nam mà nguồn hàng hoá thương mại có điểm đến và đi từ cảng Cần Thơ nói riêng và ĐB SCL nói chung. Tập trung chủ yếu vào các mặt hàng sử dụng container như: Gạo, nông sản, mỡ cá, phân bón, gạch men với VCSC và Phân Urea Đạm Cà Mau đi các tỉnh miền trung với Vimadeco.

- Xây dựng chiến lược thương hiệu, phát triển và mở rộng thị trường dịch vụ ra các địa bàn khác như: Duyên Hải Trà Vinh, Cảng Sóc Trăng và dịch vụ chuyển tải tại các khu vực khác.

- Chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để tiến hành tổ chức triển khai sản xuất kinh doanh khai thác hiệu quả cảng Sóc Trăng.

- Liên doanh liên kết khai thác dịch vụ vận tải đường bộ để bước đầu xây dựng thị trường trong điều kiện cảng chưa thể đầu tư đủ phương tiện vận tải. Cung ứng chuỗi dịch vụ kết hợp xếp dỡ vận chuyển toàn bộ nguyên liệu và sản phẩm cho Cty Thép Tây Đô, Vận chuyển Container cho Nhà máy Lee & Man.

- Triển khai thêm các dịch vụ mới tại cảng Cái Cui và cảng Hoàng Diệu như: Dịch vụ đóng bao hàng rời, dịch vụ nhận uỷ thác giao nhận hàng hoá gửi kho cảng, từng bước khai thác 100% các dịch vụ tại kho cảng mà trước đây cảng không đủ điều kiện đã giao cho khách hàng tự làm.

- Cải tạo và xây thêm nhà kho tại Cảng Hoàng Diệu nhằm hướng đến mục tiêu hình thành một tổng kho phân bón phân phối cho toàn khu vực và gia công đóng bao tái xuất đi Campuchia đang có những dấu hiệu thuận lợi. Nắm bắt cơ hội với mặt hàng mỗi năm có sản lượng lớn cung cấp cho thị trường ĐB SCL mà vị trí của cảng Hoàng Diệu đang có nhiều lợi thế nhất.

- Xây dựng phương án khai thác hữu hiệu diện tích đất, bãi tại hai chi nhánh. Quy hoạch lại mặt bằng dọc theo mặt tiền đường Lê Hồng Phong tại chi nhánh Hoàng Diệu để tăng diện tích hữu ích có thu.

- Phát triển mạnh dịch vụ kinh doanh xăng dầu. chú trọng việc cung cấp cho tàu biển và các phương tiện đường thuỷ.

- Tập trung củng cố về nhân sự, phương tiện thiết bị để nâng tầm hoạt động có hiệu quả của Trung tâm logistics Cảng Cần Thơ đáp ứng được những điều kiện đòi hỏi của thị trường.

- Lập kế hoạch và các phương án khai thác hiệu quả các cần cầu Kiroop thuê của Cảng Hải Phòng.

- Tiếp tục tăng cường công tác điều chuyên, tăng cường phương tiện thiết bị giữa các chi nhánh nhằm tận dụng tối đa năng lực phương tiện thiết bị.

- Liên kết và hợp tác với Cảng Sài Gòn để phối hợp tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ gom vét Than đá tại các nhà máy điện trong khu vực trong năm 2018.

- Triển khai áp dụng phần mềm quản lý khai thác cảng, phương tiện vận chuyển xếp dỡ và kết nối giám sát hải quan điện tử (PL-COS) nhằm mang lại những hiệu quả:

+ Thiết lập hệ thống thông tin nhất quán, xuyên suốt từ hiện trường sản xuất đến các bộ phận điều hành, quản lý và lãnh đạo.

+ Lập kế hoạch, theo dõi, đánh giá các dịch vụ khai thác cảng theo quy trình khép kín từ tàu - bến bãi - khách hàng.

+ Nắm bắt chi phí sản xuất, doanh thu thực hiện tại từng thời điểm.

+ Kiểm soát đánh giá và sử dụng hiệu quả nguồn lực phục vụ khai thác Cảng. Nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.

c) Giải pháp về tài chính

- Xây dựng quy chế quản trị rủi ro, rà soát xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các định mức về chi phí cho phù hợp điều kiện thực tế của công ty theo hướng tiết kiệm và không lãng phí.

- Tăng cường giám sát, kiểm soát chi phí, giám sát và đánh giá hiệu quả vốn đầu tư.

- Thiết lập hệ thống phân tích giá thành làm cơ sở để xây dựng các giải pháp hạ giá thành dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nợ, thu hồi nợ nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Vinalines giải quyết nguồn vốn vay của Vietinbank Chương Dương.

d) Giải pháp nguồn nhân lực

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Xác định con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp theo từng giai đoạn. Từ đó xây dựng kế hoạch về nhu cầu lao động phù hợp, xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng lao động theo hướng chính quy, chuyên nghiệp, chuyên ngành để nâng cao hiệu quả và chất lượng thích nghi với đòi hỏi của môi trường cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng cao.

- Tinh giảm bộ máy quản lý đến mức hợp lý nhất có thể thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý và công nghệ thông tin. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự phục vụ cho nhu cầu phát triển cảng, thực hiện tốt việc bố trí, sắp xếp, điều chuyển lao động theo nhu cầu sử dụng và năng lực lao động nhằm kích thích tăng trưởng về năng suất lao động.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, quan tâm cải thiện mức thu nhập, thù lao của người lao động nhằm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng lương, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc. - Thực hiện tốt các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo đúng các quy định của Bộ luật lao động, Luật công đoàn về thực hiện các khoản trích nộp như: BHXH, BHYT, vv... chăm lo sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động và thường xuyên quan tâm cải thiện môi trường làm việc của người lao động.

Trên đây là báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu: VT, P.TH

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

BẢNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-CCT ngày tháng năm 2018)

Stt	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (đồng)	Mục tiêu đầu tư	Thời gian đầu tư dự kiến	Ghi chú
I	Dự án đầu tư năm 2017 chuyển tiếp sang năm 2018	19,800,000,000			
A	Đầu tư mua sắm thiết bị	19,800,000,000			
1	Mua 01 xe nâng 10 tấn (loại đã qua sử dụng)	1,700,000,000	Nâng cao năng lực xếp dỡ	Quý III	
2	Mua 01 xe xúc lật >=5 tấn (loại đã qua sử dụng)	600,000,000	Phục vụ làm hàng và gom vét hàng rời	Đã triển thực hiện	
3	Mua 01 xe chụp container (loại đã qua sử dụng)	3,000,000,000	Phục vụ nhu cầu phát triển mặt hàng container	Quý II-III	
4	Mua 04 cần cầu sức nâng 60-90 tấn (loại đã qua sử dụng)	12,000,000,000	Phục vụ nhu cầu bốc xếp hàng hóa	Đang triển khai thực hiện thuê thẩm định giá	
5	Mua 01 băng tải (mới 100%)	500,000,000	Phục vụ vận chuyển các hàng bao thay thế cho bốc xếp bằng cần cầu	Đang triển khai thực hiện	
6	Mua 01 xe đầu kéo (mới 100%)	2,000,000,000	Nâng cao năng lực vận chuyển hàng hóa	Quý II-III	
II	Dự án đầu tư mới năm 2018	19,360,000,000			
A	Xây dựng cơ bản	11,260,000,000			
1	Bến thủy nội địa số 1	400,000,000	Bốc xếp hàng rời, hàng bao từ sà lan lên các kho, bãi trong cảng	Quý II	Chi nhánh Cảng Cái Cui

Stt	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (đồng)	Mục tiêu đầu tư	Thời gian đầu tư dự kiến	Ghi chú
2	Xây dựng khu nhà vệ sinh cho công nhân và khách hàng	260,000,000	Phục vụ cho nhu cầu của công nhân và khách hàng	Quý II	Chi nhánh Cảng Cái Cui
3	Đầu tư hệ thống PCCC cầu tàu số 1&2, thẩm định hệ thống PCCC các kho	1,500,000,000	Thẩm định phê duyệt toàn hệ thống PCCC (cầu cảng, kho...) theo đúng các quy định của pháp luật về luật PCCC	Quý II-III	Cầu tàu số 01 Cảng Cái Cui đã được trang bị nhưng do trong quá trình di chuyển làm hàng của cần cầu nên các đường ống đã hư hỏng. Cầu tàu số 02 chưa được đầu tư hệ thống PCCC, các kho đã có hệ thống PCCC nhưng chưa được thẩm định.
4	Đầu tư và hạ thế trạm điện 1.000 KVA	2,800,000,000	Phục vụ cung cấp điện và đặt cần cầu Kirop khi đưa từ Hải phòng về lắp đặt tại Chi nhánh Cảng Cái Cui	Quý I	CN Cảng Cái Cui hiện chỉ có 01 trạm 630 KVA nên chỉ có thể đáp ứng cho nhu cầu sản xuất hiện tại. Chi phí lắp đặt trạm 1,6 tỷ; hạ thế 1,2 tỷ.
5	Cải tạo cầu cảng đặt ray	1,400,000,000			

Stt	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (đồng)	Mục tiêu đầu tư	Thời gian đầu tư dự kiến	Ghi chú
6	Đầu tư và hạ thế trạm điện 400 KVA	1,800,000,000	Phục vụ cung cấp điện và đặt cần cầu Kone khi đưa từ Cảng Sài Gòn về lắp đặt tại chi nhánh Cảng Hoàng Diệu	Quý I	CN Cảng Hoàng Diệu hiện nay chưa có trạm điện để cung cấp điện khi đưa cần cầu về. Chi phí lắp đặt 0,8 tỷ; chi phí hạ thế 1 tỷ
7	Lắp đặt và di chuyển 02 cần cầu chạy ray	1,800,000,000			
8	Cải tạo cầu cảng đặt ray	1,000,000,000			
9	Đầu tư kho chứa hàng tổng hợp 3.600 m ²		Phát triển các mặt hàng phân bón bao, thức ăn gia súc chứa trong kho	Quý II	Đầu tư tại kho Hoàng Diệu. Đề xuất phương án hợp tác liên kết đầu tư 5.800.000.000 đồng
10	Thiết kế thi công hệ thống cứu hỏa kho 3 (1000 m ²)	120,000,000	Thiết kế và thẩm định phê duyệt hệ thống PCCC theo đúng các quy định của pháp luật về luật PCCC	Quý II-III	Hiện tại các kho 3, 4, 5 của Cảng Hoàng Diệu chưa có hệ thống PCCC
11	Thiết kế thi công hệ thống cứu hỏa kho 4 (600 m ²)	100,000,000			
12	Thiết kế thi công hệ thống cứu hỏa kho 5 (400 m ²)	80,000,000			
B	Đầu tư mua sắm	8,100,000,000			

Stt	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (đồng)	Mục tiêu đầu tư	Thời gian đầu tư dự kiến	Ghi chú
1	Đóng 02 gàu 3,5 m3	440,000,000	Phục vụ làm làm rời khi đưa các cần cầu Kirop về cảng trong thời gian tới	Quý I	Chi nhánh Cảng Cái Cui
2	Mua 04 xe nâng 2,5 - 3 tấn	2,000,000,000	Mục tiêu lấy lại các dịch vụ bốc xếp các mặt hàng bao trong kho	Quý I	Đầu tư 01 xe cho Cảng Cái Cui và 03 xe cho Cảng Hoàng Diệu
3	Đóng mới 02 sà lan boong 400 - 600 tấn	4,400,000,000	Giảm chi phí thuê phương tiện bên ngoài, lấy lại dịch vụ bốc xếp tại khu vực Vàm Cái Sắn và bến neo Tây Đô	Quý I	Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu
4	Đóng mới 02 cái gàu 2,0 - 2,5 m3	200,000,000	Trang bị cho Bucyrus 38B, Lorain 70 phục vụ làm hàng tại khu vực Vàm Cái Sắn và bến neo Tây Đô	Quý I	
5	Đóng mới gàu chuyên dụng làm hàng	100,000,000	Phục vụ làm hàng sắt phế liệu	Quý I-II	Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu
6	02 Băng tải cánh bướm 12m	500,000,000	Phục vụ vận chuyển các hàng bao thay thế cho bốc xếp bằng cần cầu	Quý II	Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu
7	Đầu tư tàu kéo CT01	460,000,000	Phục vụ cho nhu cầu lai dắt tàu	Quý II-III	Nâng cấp thiết bị, thay đổi chức năng khai thác phục vụ cho nhu cầu lai dắt tàu tại chi nhánh Cảng Hoàng Diệu
Tổng cộng		39,160,000,000			

Số: 01/BC-HDQT

Cần Thơ, ngày 25 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

**Về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần
Cảng Cần Thơ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 28/4/2017,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Cảng Cần Thơ) báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua như sau:

I. Đặc điểm tình hình và kết quả hoạt động của Cảng Cần Thơ trong năm 2017

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Cảng Cần Thơ vẫn còn gặp nhiều khó khăn như:

- Số lượng tàu biển có trọng tải lớn (từ 10.000 DWT đầy tải đến 20.000 DWT giảm tải) phù hợp với khả năng cho phép ra vào sông Hậu qua kênh Quan Chánh Bó vẫn chưa đạt như kỳ vọng.

- Hoạt động đầu tư tại các khu công nghiệp xung quanh Cảng Cái Cui như Khu công nghiệp Hưng Phú, khu công nghiệp Sông Hậu, khu công nghiệp Tân Phú Thạnh vẫn rất chậm, chưa tạo thêm được nhiều nguồn hàng hóa có thể thông qua Cảng Cái Cui.

- Về các mặt hàng chủ lực, đóng góp lớn vào doanh thu, sản lượng của Cảng Cần Thơ:

+ Về mặt hàng gạo xuất tiểu ngạch sang Trung Quốc: Từ năm 2016, hoạt động xuất khẩu gạo tiểu ngạch sang Trung Quốc đã bắt đầu suy giảm do Trung Quốc thay đổi chính sách nhập khẩu gạo. Trong 6 tháng đầu năm 2017, tình hình xuất khẩu gạo tiểu

ngạch sang Trung Quốc tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Mặc dù từ tháng 7 năm 2017, tình hình xuất khẩu gạo tiêu ngạch sang Trung Quốc đã bắt đầu khả quan trở lại, tuy nhiên mức độ không còn như năm 2016 và các năm trước. Năm 2016, sản lượng mặt hàng gạo xuất khẩu tiêu ngạch sang Trung Quốc thông qua Cảng Cần Thơ đạt 660.333 tấn, chiếm 28,75% tổng sản lượng hàng thông qua Cảng Cần Thơ năm 2016. Năm 2017, sản lượng gạo xuất khẩu tiêu ngạch sang Trung Quốc thông qua Cảng Cần Thơ chỉ đạt 275.287 tấn, chiếm 14,31% tổng sản lượng hàng thông qua Cảng Cần Thơ, giảm 385.046 tấn, tương ứng giảm 58,31% so với 2016.

+ Về mặt hàng container: Tổng sản lượng container qua các cảng khu vực Cần Thơ năm 2017 gần như cân bằng so với năm 2016. Tuy nhiên, lượng hàng container từ khu vực thành phố Hồ Chí Minh đến các cảng khu vực đồng bằng Sông Cửu Long và ngược lại bằng sà lan đang gặp sự cạnh tranh rất mạnh của phương thức vận tải đường bộ (kết hợp hàng 2 chiều) do có ưu thế về thời gian vận chuyển ngắn, chi phí xếp dỡ thấp và tác nghiệp xếp dỡ ít.

+ Về mặt hàng clinker: Từ tháng 9 năm 2017, Cảng Cần Thơ bị mất từ 25.000 tấn đến 30.000 tấn clinker/tháng do đặc điểm vị trí địa lý nên chủ hàng đã chuyển toàn bộ dịch vụ xếp dỡ clinker từ Cảng Cái Cui về cảng của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang.

+ Về mặt hàng thiết bị: Các dự án lớn trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long như: cầu Vàm Cống, nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 triển khai chậm, đến tháng 6 năm 2017, mặt hàng thiết bị của các dự án này mới về Cảng Cái Cui. Trong khi đó, dự án điện gió Bạc Liêu giai đoạn II và các dự án điện gió khác tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long chưa được triển khai trong năm 2017.

- Hệ thống trang thiết bị của Cảng Cần Thơ vẫn còn lạc hậu, công suất bốc xếp thấp, chưa đáp ứng đầy đủ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ trong khi nguồn lực tài chính của Cảng Cần Thơ còn rất khó khăn, chưa thể đầu tư mới đồng bộ hệ thống trang thiết bị bốc xếp của Cảng Cần Thơ.

- Để đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu, từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2017, Cảng Cần Thơ phải tạm ngưng hoạt động bán lẻ của Trạm xăng dầu Cảng Cần Thơ để sửa chữa đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Trung tâm Logistics Cần Thơ.

- Tiến độ triển khai thi công con đường mặt tiền của kho bãi hậu phương thuộc Cảng Hoàng Diệu đã ảnh hưởng đến việc khai thác kho, bãi hậu phương tại Cảng Hoàng Diệu. Trong 5 tháng đầu năm 2017, Cảng Cần Thơ phải thực hiện công tác sửa chữa kho, bãi hậu phương tại Cảng Hoàng Diệu.

- Trước tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn nêu trên, tại các cuộc họp giao ban tuần, Ban Điều hành Cảng Cần Thơ đã mời các Thành viên Hội đồng quản

trị chuyên trách phụ trách các chi nhánh cùng tham dự để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các chi nhánh, cùng nhau thảo luận để đưa ra các giải pháp xử lý ngay các tình huống khó khăn, bất lợi tại các chi nhánh, tạo điều kiện thuận lợi cho các chi nhánh hoạt động ổn định. Tại các cuộc họp giao ban tháng, Ban Điều hành Cảng Cần Thơ có mời Bí thư Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các nhân sự Trưởng điều hành tại các chi nhánh cùng tham dự để Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành kịp thời nắm rõ chi tiết toàn bộ diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng của từng chi nhánh, lắng nghe những khó khăn, vướng mắc, những diễn biến thuận lợi và bất lợi của hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty từ các nhân sự trực tiếp điều hành sản xuất, khai thác tại từng chi nhánh. Từ đó, Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Cảng Cần Thơ kịp thời có những ý kiến chỉ đạo để giúp các đơn vị tháo gỡ những khó khăn; cho các chủ trương thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị và các định hướng hoạt động để tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho các chi nhánh thuộc Cảng Cần Thơ phát huy tối đa năng lực của mình, cùng nhau đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ theo một hướng thống nhất, phân đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Cảng Cần Thơ.

- Về việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công việc điều hành sản xuất kinh doanh: Nhằm giúp cho công tác quản trị, điều hành của Cảng Cần Thơ có thể được thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi; dễ dàng quản lý, giao nhiệm vụ, theo dõi nhiệm vụ được giao và kết quả triển khai thực hiện; giảm thời gian tổ chức họp để triển khai công việc, tiết kiệm chi phí in, photo tài liệu, hồ sơ, văn bản, điện thoại, fax, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã chấp thuận việc đầu tư phần mềm quản trị văn phòng. Ngay sau khi phần mềm được đầu tư hoàn chỉnh vào tháng 4 năm 2017, Cảng Cần Thơ đã triển khai công tác báo cáo số liệu, tình hình sản xuất kinh doanh hàng ngày, kế hoạch làm hàng ngày hôm sau trên hệ thống văn phòng điện tử nhằm thống kê, tổng hợp số liệu kịp thời giúp cho Ban Điều hành đưa ra những quyết định nhanh chóng, chính xác cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hiện nay, Cảng Cần Thơ đang chuẩn bị vận hành phần mềm quản lý khai thác cảng PLCOS-PMC nhằm hệ thống hóa cơ sở dữ liệu khai thác của cảng theo hướng đồng nhất, chính xác, truy xuất dữ liệu nhanh chóng, chính xác giúp cho công tác chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch, xây dựng chiến lược phát triển của cảng.

- Quyền Tổng giám đốc Cảng Cần Thơ đã rà soát và ban hành các quyết định về việc giao tài sản, giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017 và giao đơn giá tiền lương năm 2017 (đơn giá tiền lương năm 2017 được giao đến từng bộ phận tại các chi nhánh) nhằm phân cấp mạnh mẽ cho các chi nhánh, gắn quyền lợi đi đôi với trách nhiệm, giúp cho các chi nhánh tăng tính chủ động, phát huy tối đa nguồn lực của mình để hoàn thành nhiệm vụ và cùng với Cảng Cần Thơ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

- Quyền Tổng giám đốc Cảng Cần Thơ đã quyết định thành lập Tổ marketing và Tổ phân tích số liệu nhằm khảo sát, đánh giá tình hình thị trường, khách hàng kết hợp với việc phân tích các số liệu sản xuất kinh doanh thực tế của Cảng Cần Thơ để báo cáo, tham mưu cho Ban Điều hành Cảng Cần Thơ xây dựng, định hướng chủ động hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ.

- Về công tác mở rộng thị trường khai thác: Trước tình hình hàng hóa tại các khu vực xung quanh các bến khai thác của Cảng Cần Thơ còn gặp nhiều khó khăn, trong khi mức độ cạnh tranh ngày càng tăng, Cảng Cần Thơ đã chủ động khảo sát, thâm nhập vào các thị trường mới để phát triển, bù đắp sự suy giảm tại các bến khai thác chính của Cảng Cần Thơ. Trong năm 2017, Cảng Cần Thơ đã tiếp nhận thêm một số khách hàng và mặt hàng mới. Trong tháng 7 năm 2017, Cảng Cần Thơ đã thực hiện bốc xếp chuyên tải tàu than trọng tải 32.000 tấn neo đậu tại thành phố Hồ Chí Minh xuống sà lan và vận chuyển, bốc xếp lên bãi Cảng Cái Cui. Tháng 8 năm 2017, Cảng Cần Thơ đã trúng thầu gói thầu gom vét than phục vụ vận hành Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 - tỉnh Trà Vinh với tổng sản lượng gói thầu khoảng 3,2 triệu tấn và hiện nay Cảng Cần Thơ đang thực hiện gói thầu này. Trong năm 2017, sau khi được biết tỉnh Sóc Trăng đấu giá cho thuê quyền quản lý và khai thác Cảng Sóc Trăng có thời hạn 10 năm (2018-2027), Cảng Cần Thơ đã khảo sát, nhận thấy tiềm năng phát triển nên đã tham gia đấu giá quyền quản lý và khai thác Cảng Sóc Trăng có thời hạn 10 năm (2018-2027) và đã thắng đấu giá vào ngày 24/01/2018. Cảng Cần Thơ đã ký hợp đồng thuê Cảng Sóc Trăng và ngày 19/4/2018 Cảng Sóc Trăng đã chính thức được khai trương đưa vào vận hành, khai thác. Công ty TNHH MTV Baconco đã thuê kho của Cảng Sóc Trăng và đã bắt đầu thực hiện xuất nhập hàng hóa tại Cảng Sóc Trăng từ ngày 19/4/2018.

- Về việc điều phối phương tiện, nhân sự giữa các chi nhánh: Căn cứ vào lượng hàng hóa, tính chất hàng hóa, tình trạng hoạt động của thiết bị tại từng chi nhánh và tính năng của từng thiết bị, Cảng Cần Thơ đã thực hiện điều chuyển tạm thời thiết bị và nhân sự điều khiển thiết bị giữa các chi nhánh nhằm tận dụng hiệu quả nhất nguồn lực của cảng, giảm chi phí thuê ngoài.

- Về công tác đầu tư: Mặc dù tình hình tài chính của Cảng Cần Thơ còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm 2017 Cảng Cần Thơ đã thực hiện đầu tư một số hạng mục cấp thiết như 5 ki ốt tại mặt tiền bến Cảng Hoàng Diệu nhằm khai thác tốt lợi thế mặt tiền giáp quốc lộ 61; 01 xe chụp container hàng để bốc xếp container, giảm chi phí thuê xe chụp container tại Cảng Cái Cui; 03 xe cuốc tải trọng 10-11 tấn, gàu 0,4 m³ và 01 xe xúc bánh lốp 5 tấn phục vụ gói thầu gom vét than tại nhà máy nhiệt điện Duyên Hải – tỉnh Trà Vinh; 01 kho hàng tổng hợp có diện tích 3.024 m² và 02 cần cầu điện Kone chân đế chạy ray có sức nâng 10 tấn tại bến Cảng Cái Cui... Hiện nay, việc đầu tư 5 ki ốt tại mặt tiền bến Cảng Hoàng Diệu; 01 xe chụp container hàng; 03 xe cuốc tải trọng 10-11 tấn, gàu 0,4

m³ và 01 xe xúc bánh lốp 5 tấn phục vụ gói thầu gom vét than tại nhà máy nhiệt điện Duyên Hải – tỉnh Trà Vinh đã phát huy hiệu quả, góp tăng doanh thu, giảm chi phí thuê ngoài cho Cảng Cần Thơ. Hạng mục 02 cần cầu điện Kone chân đế chạy ray có sức nâng 10 tấn tại bến Cảng Cái Cui đang thực hiện chạy thử đã cho thấy có hiệu quả hơn so với sử dụng cầu chạy dầu.

- Về công tác tiết kiệm chi phí: Công tác kiểm soát, tiết kiệm chi phí luôn được Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Cảng Cần Thơ quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong điều kiện nguồn hàng hóa khai thác còn nhiều khó khăn, mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng thì việc tiết kiệm chi phí là biện pháp hữu hiệu giúp phòng ngừa rủi ro và hỗ trợ các chương trình phát triển và thu nhập cho người lao động của Cảng Cần Thơ. Tại các cuộc họp giao ban, Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Cảng Cần Thơ đều dành thời gian tập trung phân tích và có những chỉ đạo về công tác tiết kiệm chi phí đối với những khoản chi phí có thể cắt giảm hoặc chưa cần thiết. Mặc dù doanh thu thuần năm 2017 tăng 7,155 tỷ đồng so với năm 2016, tuy nhiên giá vốn hàng bán lại giảm 3,071 tỷ đồng do Cảng Cần Thơ đã thu hút được các hợp đồng bốc xếp thiết bị có tỷ suất lợi nhuận/chi phí cao và tiết giảm các chi phí khác giúp cho lợi nhuận gộp của năm 2017 tăng 10,227 tỷ đồng so với năm 2016. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng năm 2017 của Cảng Cần Thơ cũng giảm 1,236 tỷ đồng so với năm 2016. Qua đó cho thấy việc tiết giảm các chi phí đã đóng góp một phần quan trọng giúp Cảng Cần Thơ hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2017.

Với sự nỗ lực cao của tập thể Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, quản lý và người lao động Cảng Cần Thơ, Cảng Cần Thơ đã vượt lên những khó khăn và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 với kết quả như sau:

Bảng Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	SS TH 2017 với TH 2016		SS TH 2017 với KH 2017	
						Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng	Tấn	2.075.838	2.042.500	1.923.664	(152.174)	(7,33)	(118.836)	(5,82)
	Trong đó: Container	Teu	19.366	15.000	12.703	(6.663)	(34,41)	(2.297)	(15,31)
2	Doanh thu	Tỷ đồng	92,793	91,681	101,766	8,973	9,67	10,085	11,00
3	LNTT	Tỷ đồng	(12,973)	Cân bằng	0,088	13,061		0,088	

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2017

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2017

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã tiến hành tổ chức 32 cuộc họp, ban hành 29 Nghị quyết và 34 Quyết định.

Các phiên họp của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ trong năm 2017 đều được tổ chức theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cảng Cần Thơ và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành (Nội dung các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2017 tại Báo cáo thường niên năm 2017 của Cảng Cần Thơ đã được đăng tải trên website của Công ty).

2. Kết quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2017

Số lượng thành viên, cơ cấu của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2017

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu làm thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT
1	Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT	25/3/2015	03/3/2017
2	Lâm Tiên Dũng	Chủ tịch HĐQT	-Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/3/2015. -Bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 14/4/2017	
3	Phan Thành Tiến	Thành viên HĐQT	25/3/2015	14/4/2017
4	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT	14/4/2017	
5	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	25/3/2015	
6	Phan Công Đức	Thành viên HĐQT	25/3/2015	
7	Nguyễn Trường Sơn	Thành viên HĐQT	25/3/2015	14/4/2017
8	Nguyễn Quang Dũng	Thành viên HĐQT	25/3/2015	14/4/2017

Trong năm 2017, các thành viên Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã làm việc thận trọng và tuân thủ theo nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cảng Cần Thơ và sự phân công của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ; vận dụng sở trường công tác với tinh thần trách nhiệm cao để đóng góp và cùng với các thành viên Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các nội dung Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Ban Điều hành Cảng Cần Thơ và ban hành các chỉ đạo nhằm định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ phát triển, hoàn

thành các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Cảng Cần Thơ.

3. Thù lao/lương của các thành viên Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2017

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thù lao/lương năm 2017 (đồng)
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	231.600.000
2	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT, Quyền Tổng giám đốc	231.600.000
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	181.200.000
4	Phan Công Đức	Thành viên HĐQT	181.200.000
	Tổng		825.600.000

III. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đối với hoạt động của Ban Điều hành Cảng Cần Thơ trong năm 2017

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Cảng Cần Thơ còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên Ban Điều hành Cảng Cần Thơ đã triển khai thực hiện nhanh và đồng bộ công tác sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Ban Điều hành, văn phòng và các chi nhánh thuộc Cảng Cần Thơ; Ban Điều hành Cảng Cần Thơ đã triển khai thực hiện có trách nhiệm các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; chủ động, nỗ lực xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả nhiều giải pháp điều hành nội bộ và tăng cường công tác marketing, mở rộng thị trường giúp Cảng Cần Thơ tăng năng lực khai thác, phát triển thêm một số khách hàng, thị trường mới, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

IV. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2018

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế năm 2017, các nguồn lực nội tại của Cảng Cần Thơ và các dự báo diễn biến tình hình thị trường trong năm 2018, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã xem xét và có kế hoạch thực hiện một số công việc chính nhằm giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ tiếp tục phát triển và hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch của năm 2018 như sau:

1. Nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch, chiến lược, giải pháp để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Cảng Cần Thơ hoàn thành các chỉ tiêu sau:

- Sản lượng thông qua: 2.181.000 tấn.
- Doanh thu: 119 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 01 tỷ đồng.

2. Rà soát, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Cảng Cần Thơ nhằm đảm bảo các quy chế, quy định, quy trình tác nghiệp đã ban hành của Cảng Cần Thơ phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình hoạt động

thực tế của Cảng Cần Thơ, giúp cho mọi hoạt động của Cảng Cần Thơ luôn chặt chẽ, theo một quy trình đồng nhất, có phân cấp, phân công cụ thể, rõ ràng, được triển khai thực hiện nhanh chóng, chính xác, chuyên nghiệp, đạt hiệu quả cao và có cơ chế giám sát, đánh giá, xử lý nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu của Cảng Cần Thơ với đối tác, khách hàng.

3. Kiện toàn và đẩy mạnh công tác marketing nhằm phát triển thêm một số dịch vụ mới theo yêu cầu của thị trường, khách hàng, thu hút thêm một số khách hàng mới, đa dạng hóa sản phẩm, tăng doanh thu, lợi nhuận. Đồng thời xây dựng và phát triển bộ phận chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm giữ được các khách hàng hiện có trong điều kiện tình hình cạnh tranh ngày càng cao.

4. Tiếp tục nghiên cứu và phát triển thêm một số bến vệ tinh nhằm tăng thị phần khai thác của Cảng Cần Thơ sang các khu vực khác nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận cho Cảng Cần Thơ.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác liên kết với các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam nhằm xây dựng các dịch vụ trọn gói liên vùng để cung cấp cho khách hàng, tạo thêm nguồn thu cho mỗi đơn vị trong chuỗi liên kết và tăng thị phần, uy tín của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

6. Triển khai nhanh và đồng bộ phần mềm quản lý khai thác cảng nhằm đảm bảo cho các hoạt động quản lý, khai thác cảng của Cảng Cần Thơ tuân theo một quy trình chuẩn; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khai thác đồng bộ, trích xuất nhanh chóng, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản trị, điều hành của Cảng Cần Thơ.

7. Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng thiết bị, hạ tầng theo quy trình. Từng bước đầu tư thiết bị hiện đại, công suất lớn và đầu tư kho, bãi, cải tiến các trang thiết bị hiện có phù hợp với tình hình khai thác và khả năng tài chính của Cảng Cần Thơ nhằm cải thiện năng suất khai thác và tăng sức cạnh tranh để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, tăng uy tín thương hiệu của Cảng Cần Thơ, tiết kiệm chi phí.

8. Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý chi phí hiệu quả đã đạt được trong năm 2017; Cải tiến quy trình, thủ tục hoàn tất chứng từ yêu cầu khách hàng thanh toán để giảm rủi ro và giảm tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn trong khi Cảng Cần Thơ đang thiếu vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Thường xuyên rà soát, tổ chức đào tạo, đào tạo lại; Thực hiện rà soát, sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo để tăng cường nhân sự cho các bộ phận đang thiếu nhân lực nhằm tăng cường năng lực nhân sự của Cảng Cần Thơ để đáp ứng các điều kiện sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ và yêu cầu của thị trường, khách hàng, hỗ trợ các quản lý trong việc thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển.

10. Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn quản trị chất lượng nội bộ trong điều kiện chưa xây dựng hệ thống ISO để làm cơ sở đánh giá, xếp loại và xây dựng các giải pháp quản trị nội bộ của doanh nghiệp, tạo động lực phấn đấu, kích thích tăng trưởng.

11. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách đề động viên, khen thưởng kịp thời cho các bộ phận, cá nhân có nhiều đóng góp vào hiệu quả sản xuất kinh doanh và các bộ

phận, cá nhân đảm nhận các công việc đặc thù, áp lực công việc và độ rủi ro cao, làm việc tại các địa bàn khó khăn.

12. Phát triển văn hóa doanh nghiệp nhằm tăng mức độ nhận biết thương hiệu, giá trị thương hiệu của Cảng Cần Thơ với phương châm mỗi người lao động của Cảng Cần Thơ là một nhân viên chăm sóc khách hàng và xây dựng tinh đoàn kết, chia sẻ, tương trợ lẫn nhau, tạo động lực làm việc để vượt qua khó khăn.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ. Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Cảng Cần Thơ xem xét, thông qua.

Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ xin cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị và xin cảm ơn Ban Điều hành, tập thể quản lý và người lao động Cảng Cần Thơ đã phối hợp, tin tưởng và sát cánh cùng Hội đồng quản trị thực hiện các giải pháp để Cảng Cần Thơ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ sẽ tiếp tục phấn đấu hết sức mình theo đúng chức năng, nhiệm vụ và cùng với Ban Điều hành, tập thể quản lý và người lao động Cảng Cần Thơ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.

Thay mặt Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ, tôi xin kính chúc Quý vị khách quý, Quý cổ đông, Đảng ủy, Ban Điều hành, tập thể quản lý và người lao động của Cảng Cần Thơ luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, gặt hái nhiều thắng lợi và kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Cảng Cần Thơ thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cảng Cần Thơ;
- Ban Kiểm soát Cảng Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lâm Tiến Dũng

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Quy chế tài chính và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban và Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ xin báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát, nội dung giám sát và kết quả giám sát trong năm 2017 tới Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ như sau:

I. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát :

1. Thành viên Ban Kiểm soát:

- | | |
|------------------------|------------|
| - Ông Nguyễn Hồng Hải | Trưởng ban |
| - Ông Trịnh Thanh Tùng | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Văn Hiền | Thành viên |

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trên cơ sở Kế hoạch hoạt động kinh doanh, đầu tư năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/4/2017, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cảng Cần Thơ, các quy chế nội bộ và Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 9/5/2015 và việc phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát đã triển khai, thực hiện và xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 những nội dung chính như sau:

- Soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, thẩm định báo cáo tài chính năm 2017.

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua năm 2017; Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị; Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và việc tuân thủ quy chế, quy định của Công ty.

- Công tác triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quy định nội bộ của Công ty.

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2017.

- Qua hoạt động giám sát kiểm tra trao đổi, có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Trưởng các Phòng tham mưu, các đơn vị trực thuộc nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

- Họp định kỳ và tham dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được mời.

- Thực hiện một số việc khác theo quy định.

II. Nội dung giám sát:

- Soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, đánh giá hoạt động kinh doanh và một số chỉ tiêu tài chính.

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua năm 2017; Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị.

- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và việc tuân thủ quy chế, quy định của Công ty.

- Giám sát công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng đối với việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quy định nội bộ của Công ty.

- Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

- Kiến nghị của Ban Kiểm soát.

III. Kết quả giám sát:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 2017:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/kế hoạch
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	2.042.500	1.923.664	94%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	91.681	101.776,2	111%
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng		96.855,4	
	Giảm trừ doanh thu	Triệu đồng		9,4	
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng		3.241,2	
2.3	Thu khác	Triệu đồng		1.679,6	
3	Tổng chi phí hoạt động	Triệu đồng		101.678	
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	Hòa vốn	88,7	

2. Phân tích, đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch:

- Sản lượng, doanh thu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua là 2.042.500 tấn, doanh thu 91.681 triệu đồng và lợi nhuận trước thuế hòa vốn.

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017, sản lượng thực hiện là 1.923.664 tấn đạt 94%, tổng doanh thu đạt 101.776,2 triệu đồng tăng 11% so với kế hoạch (*trong đó: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 96.855.404.895 đồng, doanh thu hoạt động tài chính 3.241.226.185 đồng, thu nhập khác 1.679.620.899 đồng*)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 96,8 tỷ đồng tăng 8% so với thực hiện năm 2016. Doanh thu dịch vụ bốc xếp sắt thép, thiết bị, Clinker, cung cấp dịch vụ kho bãi ... và cung ứng dịch vụ hàng hải tăng so với thực hiện năm 2016, sản lượng bốc xếp gạo bốc xếp gạo giảm 50% so với thực hiện 2016, đạt 9,5 tỷ đồng.

- Chi phí hoạt động 101.678.048.953 đồng giảm 4% so với thực hiện năm 2016 (trong đó Giá vốn hàng bán thực hiện năm 2017 đạt 71,83 tỷ đồng, chi phí bán hàng 1,35 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp 22,88 tỷ đồng).

3. Yếu tố ảnh hưởng kết quả kinh doanh:

- Số lượng tàu biển có trọng tải lớn (từ 10.000 DWT đầy tải đến 20.000 DWT giảm tải) phù hợp với khả năng cho phép ra vào sông Hậu qua kênh Quan Chánh Bó vẫn chưa đạt như kỳ vọng.

- Một số dự án lớn trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long như: cầu Vàm Cống, nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 triển khai chậm, đến tháng 6 năm 2017, mặt hàng thiết bị của các dự án này mới về Cảng Cái Cui. Trong khi đó, dự án điện gió Bạc Liêu giai đoạn II và các dự án điện gió khác tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long chưa được triển khai trong năm 2017.

- Hệ thống trang thiết bị bốc xếp của cảng hoạt động với công suất giảm (do tuổi thiết bị cao) ảnh hưởng đến năng suất xếp dỡ khi tham gia bốc xếp hàng rời tại công ty và một số cảng trong khu vực, giảm cơ hội trong việc tham gia các công trình, dự án trong khu vực và phát sinh chi phí sửa chữa làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng. Trang thiết bị bốc xếp còn thiếu trong khi nguồn lực tài chính của Cảng Cần Thơ còn rất khó khăn, chưa thể đầu tư mới đồng bộ hệ thống trang thiết bị bốc xếp của Cảng Cần Thơ. Thực hiện điều phối phương tiện, nhân sự giữa các chi nhánh.

- Để đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu, từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2017, Cảng Cần Thơ phải tạm ngưng hoạt động bán lẻ của Trạm xăng dầu Cảng Cần Thơ để sửa chữa đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Trung tâm Logistics Cần Thơ.

- Tiến độ triển khai thi công con đường mặt tiền của kho bãi hậu phương thuộc Cảng Hoàng Diệu đã ảnh hưởng đến việc khai thác kho, bãi hậu phương tại Cảng Hoàng Diệu. Trong 5 tháng đầu năm 2017, Cảng Cần Thơ phải thực hiện công tác sửa chữa kho, bãi hậu phương tại Cảng Hoàng Diệu.

4. Thẩm tra báo cáo tài chính:

4.1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C thực hiện kiểm toán, theo đó chấp nhận toàn phần Báo cáo tài chính của Cảng Cần Thơ.

4.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	61.280.885.055	63.283.638.245
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	23.413.204.721	26.234.636.343
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	35.673.537.306	35.571.901.978
IV. Hàng tồn kho	790.070.999	630.494.383

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.404.072.029	846.605.541
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	317.488.599.563	328.918.045.984
I. Các khoản phải thu dài hạn	120.485.000	135.485.000
II. Tài sản cố định	239.566.284.624	251.569.483.249
III. Bất động sản đầu tư	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	70.956.302.634	70.074.223.543
V. Đầu tư tài chính dài hạn	4.497.251.573	4.497.251.573
VI. Tài sản dài hạn khác	2.348.275.732	2.641.602.619
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	378.769.484.618	392.201.684.229
C - NỢ PHẢI TRẢ	115.726.467.015	119.728.644.949
I. Nợ ngắn hạn	39.952.010.467	40.096.676.528
II. Nợ dài hạn	75.774.456.548	79.631.968.421
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	263.043.017.603	272.473.039.280
I. Vốn chủ sở hữu	263.043.017.603	272.473.039.280
1. Vốn góp của chủ sở hữu	275.281.179.597	284.800.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	378.769.484.618	392.201.684.229

4.3. Một số chỉ số tài chính cơ bản:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Ghi chú
1	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	0,97	(Vốn CSH cuối kỳ/Vốn CSH đầu kỳ)
2	Mức độ bảo toàn vốn	Lần	0,95	Vốn chủ sở hữu/Vốn đầu tư của chủ sở hữu
2	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.53	(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)
3	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu thuần (ROS)	%	0.1	(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)
4	Tỷ suất lợi nhuận/Tài sản (ROA)	%	0.02	(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)
5	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0.03	(Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)
6	Lợi tức trên mỗi cổ phiếu	Đồng	3	

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 cải thiện đáng kể so với thực hiện năm 2016, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017.

- Với tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2017 và chỉ số khả năng thanh toán ở bảng trên cho thấy, Công ty đáp ứng được khả năng thanh toán hiện thời.

4.4 Tình hình quản lý công nợ:

- Công ty ghi nhận các khoản nợ phải thu theo giá trị ghi sổ, phân loại các khoản nợ phải thu theo nguyên tắc: khoản phải thu khách hàng có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán; khoản phải thu các đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc của Công ty và khoản phải thu không có tính chất thương mại không liên quan đến hoạt động mua bán; Phân loại các khoản nợ phải trả theo nguyên tắc: khoản phải trả khách hàng có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán; khoản phải trả các đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc của Công ty) và khoản phải trả không có tính chất thương mại không liên quan đến hoạt động mua bán.

- Công ty thực hiện quản lý, đôn đốc thu hồi nợ đối với khoản nợ phải thu, thực hiện đối chiếu xác nhận nợ phải thu; Thực hiện xác nhận, đối chiếu đối với các khoản nợ phải trả.

- Khoản nợ phải thu khách hàng đầu năm 2017 là 19,6 tỷ đồng, số nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2017 là 21,1 tỷ đồng. Trong năm 2017, Công ty đã tích cực thu hồi nợ khách hàng, số nợ phải thu khách hàng cuối năm tăng so với số đầu năm, nợ phải thu khách hàng tăng mang tính chất thời điểm tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Một số khoản phải thu khách hàng nợ quá hạn. Do đó cần tăng cường hơn nữa công tác thu hồi nợ, xem xét điều chỉnh các điều khoản thanh toán tại hợp đồng đối với khách hàng cho phù hợp để tăng dòng tiền cho Công ty và hạn chế tối đa công nợ phải thu quá hạn. Phân tích, đánh giá để xem xét trích lập dự phòng theo quy định.

4.5. Đối với báo cáo tài chính:

- Ngoài đánh giá nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

- Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

5. Tiền lương và thu nhập:

TT	Nội dung	Số lượng b/q	Kế hoạch năm 2017 (đồng)	Thực hiện năm 2017 (đồng)
I	Thù lao, tiền lương năm 2017			
1	Tiền lương chuyên trách Hội đồng quản trị năm 2017	3	775.200.000	594.300.000

2	Thù lao của TV Hội đồng quản trị	2	24.000.000	24.000.000
3	Thù lao Ban Kiểm soát	3	60.000.000	60.000.000
4	Tiền của người quản lý	6	1.096.800.000	748.000.000
5	Tiền lương của người lao động.	153	12.800.000.000	14.451.043.621
6	Chi phí nhân công thuê ngoài			5.994.464.190
	Cộng	167	14.756.000.000	21.871.807.811
II	Lao động			
1	Lao động đầu kỳ			161
2	Lao động có mặt tại 31/12/2017			162
3	Lao động bình quân			153
4	Thu nhập bình quân		7.363.273	7.922.826

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị:

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua tổng mức đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị với tổng giá trị 33,3 tỷ gồm:

- Xây dựng kho CFS chuyển đổi công năng thành kho hàng tổng hợp 7 tỷ đồng, diện tích kho 3.024 m² (Kho và đường vào kho);
- Mua 01 xe nâng 10 tấn 1,7 tỷ đồng.
- Mua 01 xe xúc lật \geq 5 tấn 0,6 tỷ đồng.
- Mua 01 xe chụp 40-50 tấn 6 tỷ đồng.
- Mua 01 xe chụp container rỗng 3 tỷ đồng.
- Mua 02 cần cẩu sức nâng 60-90 tấn 6 tỷ đồng.
- Mua 02 cần cẩu sức nâng 60-90 tấn 6 tỷ đồng.
- Mua 01 băng tải 0,5 tỷ đồng.
- Mua 01 xe đầu kéo 2 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2017:

Hoàn thành việc đầu tư mua xe xúc lật với giá trị thực hiện 552.000.000 đồng (bao gồm chi phí thẩm định giá); Xe chụp container 3.974.165.000 đồng bao gồm chi phí thẩm định giá, đăng báo đấu thầu.

Tại thời điểm giám sát, Công ty đang triển khai công tác đầu tư dựng kho CFS chuyển đổi công năng thành kho hàng tổng hợp, tạm tính giá trị thực hiện theo hợp đồng 6.109.321.000 đồng (gồm: chi phí tư vấn lập BCKTKT 236.449.000 đồng, chi phí tư vấn thẩm tra BCKTKT 28.842.000 đồng, chi phí tư vấn giám sát 189.149.000 đồng, thi công xây dựng 5.654.881.000 tỷ đồng).

Trang bị phần mềm Văn phòng điện tử với giá trị 90 triệu đồng.

Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2016 theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 21/12/2017 của Hội đồng quản trị:

Giá trị đầu tư xây dựng nhà Kiốt tại Cảng Hoàng Diệu 456.657.000 đồng (gồm chi phí Chi phí tư vấn lập BCKTKT, tư vấn giám sát và chi phí thi công).

Một số hạng mục theo kế hoạch chưa triển khai đầu tư, riêng Kho CFS chuyển đổi công năng thành kho hàng tổng hợp đang thực hiện đầu tư xây dựng, Ban Kiểm soát ghi nhận giá trị đầu tư tạm tính theo giá trị hợp đồng và báo cáo cổ đông tại Đại hội gần nhất.

Trình tự thủ tục đối với công tác đầu tư mua sắm trang thiết bị, Công ty triển khai lựa chọn nhà cung cấp theo hướng dẫn tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP về lựa chọn nhà thầu.

7. Về việc ban hành quy chế, quy định:

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Cần Thơ ban hành: Quy chế công bố thông tin (Quyết định số 02/QĐ-HĐQT ngày 25/1/2017), Quy chế khen thưởng (Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 25/1/2017), Quy chế quản lý nợ (Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 25/1/2017), Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế công bố thông tin, Quy Tài chính (sửa lần thứ nhất) và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị..

Về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và Quy định của Công ty.

- Tổng giám đốc ban hành: Quy định tạm thời về việc nhượng bán, thanh lý tài sản . Quy định về quản lý và sử dụng xe ô tô, Quy định trả lương tạm thời cho cán bộ công nhân viên. Quy định về Hội nghị khánh tiết, tiết thị, công tác.

IV. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã triển khai và hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Công tác đầu tư đang triển khai thực hiện.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành 32 phiên họp. Hội đồng quản trị đã ban hành 29 Nghị quyết, 34 Quyết định với một số nội dung chính gồm:

- Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Phê duyệt kế hoạch thực hiện mục tiêu 2017 của Công ty;
- Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị.
- Miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- Sắp xếp lại Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Năm 2017, tình hình nhân sự có thay đổi như sau:

Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/3/2015 Miễn nhiệm ngày 3/3/2017
Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/4/2017
Ông Lâm Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/3/2015
Ông Phan Thành Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/3/2015 Miễn nhiệm ngày 14/4/2017
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/3/2015
Ông Phan Công Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/3/2015
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/3/2015 Miễn nhiệm ngày 14/4/2017
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/3/2015 Miễn nhiệm ngày 14/4/2017
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/4/2017
Ban Tổng giám đốc	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Phan Thành Tiến	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/3/2015 Miễn nhiệm ngày 14/4/2017
Ông Nguyễn Văn Phương	Q. Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/4/2017
Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8/5/2015 Miễn nhiệm ngày 25/4/2017
Ông Phan Công Đức	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8/5/2015 Miễn nhiệm ngày 25/4/2017
Ông Nguyễn Văn Dục	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8/5/2015 Nghỉ hưu từ ngày 1/1/2018
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 11/12/2017
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 11/12/2017

4. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

- Hiện tại, Hội đồng quản trị có 4 thành viên. Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã chủ động tham gia một số cuộc họp điều hành của Ban Tổng giám đốc qua đó Hội đồng quản trị đã cùng với Ban Tổng giám đốc và các đơn vị xây dựng các giải pháp và kịp thời giải quyết những tồn tại, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo điều kiện cho các đơn vị hoạt động hiệu quả hơn như thực hiện san lấp mặt bằng, đầu tư đường bãi ... nhằm tăng doanh thu.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện theo chức trách nhiệm vụ theo Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật có liên quan; Ban hành các nghị quyết để triển khai kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2017;

xem xét các Tờ trình của Tổng giám đốc liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều lệ; Đôn đốc thúc đẩy hoạt động kinh doanh.

- Ban Tổng giám đốc cũng đã triển khai các nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị, đồng thời tìm kiếm, mở rộng hoạt động sang các khu vực, thị trường khác để thúc đẩy cải thiện hoạt động kinh doanh..

- Ban Điều hành Cảng Cần Thơ cũng đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát tham dự một số cuộc họp Hội đồng quản trị tại trụ sở Công ty theo Giấy mời họp, thông qua đó giám sát việc ghi chép nội dung Biên bản cuộc họp, việc ban hành nghị quyết, quyết định. Biên bản cuộc họp được thư ký Công ty ghi chép đầy đủ trung thực ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị.. Biên bản, Nghị quyết, Quyết định đều được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền, kịp thời và đều đạt được sự nhất trí cao của các thành viên Hội đồng quản trị để chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ, từng bước tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc trong điều hành của Cảng Cần Thơ.

V. Kiến nghị của Ban Kiểm soát :

Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Cần Thơ:

- Rà soát và ban hành quy chế chi tiêu tài chính cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Thực hiện giám sát đối với hoạt động kinh doanh và tại các đơn vị trực thuộc theo các quy định nội bộ của Công ty.

- Rà soát chức năng nhiệm vụ của các phòng ban Để hoàn chỉnh theo phương án sắp xếp bộ máy của Công ty.

- Các đơn vị phụ thuộc xây dựng quy định hoạt động của từng bộ phận, quy trình tác nghiệp và hoạt động chi tiêu của đơn vị trực thuộc.

- Rà soát và có quy định liên quan đến giao kết, ký kết hợp đồng hợp đồng kinh tế (hình thức, nội dung, đơn giá và trách nhiệm pháp lý liên quan đến nội dung của hợp đồng kinh tế cho phù hợp.

- Tăng cường công tác thu hồi nợ, xem xét điều chỉnh các điều khoản thanh toán tại hợp đồng đối với khách hàng cho phù hợp để tăng dòng tiền cho Công ty và hạn chế tối đa công nợ phải thu quá hạn. Phân tích, đánh giá để xem xét trích lập dự phòng theo quy định.

VI. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Mức thù lao của Ban Kiểm soát của năm 2017 như sau:

- Trưởng Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng

- Thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng

VII. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 :

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông định kỳ kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý theo qui định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Định kỳ, Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể đại hội cổ đông, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 6 tháng và cả năm 2018.

- Tiếp tục xem xét tính hợp lý của các quy định nội bộ, phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty..

- Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban trong công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty; Việc tuân thủ quy chế, quy định của Công ty.

- Phối hợp với các phòng ban kiểm tra hoạt động kinh doanh, ban hành quy định nội bộ tại chi nhánh của Công ty.

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề có liên quan; Thảo luận với kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng giám đốc Công ty; Phối hợp với Kiểm toán độc lập để xem xét để xem xét các ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện những kiến nghị của Kiểm toán độc lập.

- Công tác triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quy định nội bộ của Công ty.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

- Phối hợp với HĐQT giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ Điều lệ doanh nghiệp, quy định nội bộ và quy định của pháp luật

- Kiến nghị/phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc hoàn thiện quy định nội bộ để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc triển khai kế hoạch thu hồi và xử lý nợ quá hạn.

- Giám sát việc công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

-Thực hiện giám sát theo chuyên đề đối với chu trình bán hàng và thu tiền; chu trình sửa chữa mua sắm, sửa chữa phương tiện, trang thiết bị.

Để đạt được kết quả tốt nhất đối với hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị, sự hợp tác và phối hợp của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ xem xét thông qua.

Xin chúc các vị đại biểu, quý vị cổ đông, các nhà đầu tư sức khỏe, thành đạt và hạnh phúc.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Ban Kiểm soát, T.ký Cty. Ha7

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)**

Nguyễn Hồng Hải

Số: /TTr-HĐQT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 6 năm 2018

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ NĂM 2018**

V/v Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Hội đồng quản trị công ty kính trình đại hội thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018. Cụ thể:

1.- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017:

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 (gửi kèm trong tài liệu ĐHĐCĐ). Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã được kiểm toán:

TT	Khoản mục	Năm 2017
1	Sản lượng	1.923.664
2	Doanh thu	101.766.847.679
3	Lợi nhuận trước thuế	88.798.726
4	Lợi nhuận sau thuế	88.798.726

2.- Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017:

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và tình hình tài chính của công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua không chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2017 và lợi nhuận thực hiện năm 2017 dùng để bù đắp số lỗ năm trước.

3.- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

- Hội đồng quản trị căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2018 để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019 quyết định phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Lâm Tiến Dũng

Số: /TTr-HĐQT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 6 năm 2018

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ NĂM 2018**

Về việc chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị- Ban kiểm soát và quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và của người lao động năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 28/4/2017;

Hội đồng quản trị công ty kính trình đại hội thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị-Ban kiểm soát và quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và của người lao động năm 2018 như sau:

1.- Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

1.1- Tiền lương của Hội đồng quản trị năm 2018: 840.000.000 đồng

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 Thành viên) : 26.000.000 đồng/tháng

- Thành viên HĐQT chuyên trách (02 Thành viên) : 22.000.000 đồng/tháng

1.2- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 : 84.000.000 đồng

Trong đó:

- Thành viên HĐQT không chuyên trách (01 Thành viên) : 2.000.000 đồng/tháng

- Trưởng Ban kiểm soát (01 Thành viên) : 2.000.000 đồng/tháng

- Thành viên Ban kiểm soát (02 Thành viên) : 1.500.000 đồng/tháng

2.- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2018: 1.008.000.000 đồng

Trong đó:

- Tổng giám đốc (01 Thành viên) : 24.000.000 đồng/tháng

- Phó Tổng giám đốc (02 Thành viên) : 20.000.000 đồng/tháng

- Kế toán trưởng (01 Thành viên) : 20.000.000 đồng/tháng

3.- Tổng quỹ tiền lương KH của người lao động năm 2018 : 16.800.000.000 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Lâm Tiên Dũng

TỜ TRÌNH

**Về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 28/4/2017;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán năm 2018;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Đề xuất danh sách công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
 - Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh tại Thành phố Cần Thơ,
- Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và biểu quyết thông qua danh sách 02 công ty kiểm toán trên và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc căn cứ tình hình thực tế, tiến hành lựa chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Ban kiểm soát phối hợp với công ty trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán.

Trường hợp không thống nhất được với những Công ty nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, đề xuất Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các đơn vị kiểm toán phù hợp với quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, chấp thuận.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, Ban KS, T.ký Cty. Ha7

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)**

Nguyễn Hồng Hải

Số: /TTr-HĐQT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ NĂM 2018
V/v Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ
và Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 28/4/2017;

Căn cứ Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng,

Nhằm đáp ứng các quy định mới nhất của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 71/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC, dựa trên điều lệ công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quy chế quản trị công ty được Hội đồng quản trị phê duyệt, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các nội dung sửa đổi điều lệ công ty và quy chế quản trị công ty cụ thể như sau:

1.- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty hiện hành và toàn văn nội dung công ty đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

2.- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị công ty và toàn văn nội dung Quy chế quản trị công ty đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Lâm Tiến Dũng

Cần Thơ, ngày 22 tháng 6 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 28/4/2017;
- Các tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngàytháng năm 2018;
- Biên bản kiểm phiếu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 22 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các báo cáo sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và định hướng năm 2018;
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và định hướng năm 2018;
4. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Điều 2: Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc căn cứ tình hình thực tế, tiến hành lựa chọn (1) trong (2) công ty kiểm toán sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty gồm: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh tại Thành phố Cần Thơ.

Trường hợp không thống nhất được với những Công ty nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, đề xuất Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các đơn vị kiểm toán phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ và Quy chế quản trị công ty với nội dung chi tiết như kèm theo.

Điều 4: Thông qua Tờ trình chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2018:

- Tiền lương của Hội đồng quản trị năm 2018 : 840.000.000 đồng

Trong đó:

- + Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 Thành viên) : 26.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT chuyên trách (02 Thành viên) : 22.000.000 đồng/tháng
- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 : 84.000.000 đồng**

Trong đó:

- + Thành viên HĐQT không chuyên trách (01 Thành viên) : 2.000.000 đồng/tháng
- + Trưởng Ban kiểm soát (01 Thành viên) : 2.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên Ban kiểm soát (02 Thành viên) : 1.500.000 đồng/tháng

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2018: 1.008.000.000 đồng**

Trong đó:

- + Tổng giám đốc (01 Thành viên) : 24.000.000 đồng/tháng
- + Phó Tổng giám đốc (02 Thành viên) : 20.000.000 đồng/tháng
- + Kế toán trưởng (01 Thành viên) : 20.000.000 đồng/tháng

- Tổng quỹ tiền lương KH của người lao động năm 2018 : 16.800.000.000 đồng**

Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018, cụ thể:

1.- Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017:

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và tình hình tài chính của công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất không chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2017 và lợi nhuận thực hiện năm 2017 dùng để bù đắp số lỗ năm trước.

2.- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

Hội đồng quản trị căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2018 đề trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019 quyết định phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ thông qua toàn văn tại Đại hội. Hội đồng quản trị căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

Điều 6: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/6/2018.

Điều 7: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tổ chức triển khai và giám sát thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết này.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết% tán thành thông qua toàn văn Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Lâm Tiến Dũng

Cần Thơ, ngày 06 tháng 6 năm 2018

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Quy định chung

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội cổ đông; cách thức thảo luận tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) nhằm đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

Điều 2: Mục đích

Các quy định tại Quy chế này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự và thủ tục luật định và phù hợp với quy định của pháp luật; đảm bảo cho Đại hội được tiến hành trong trật tự, an toàn, đúng thời gian trong chương trình nghị sự của Đại hội; đảm bảo cho các cổ đông thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách dân chủ, bình đẳng và đoàn kết, phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững Công ty.

Điều 3: Chương trình Đại hội

1. Chương trình Đại hội được gửi trước cho các cổ đông kèm theo Thư mời họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội (cụ thể là trước 16 giờ ngày 19/6/2018). Kiến nghị phải ghi rõ: tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, mã số cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp nhận và đưa các kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến

không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

Điều 4: Nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự.
2. Xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
3. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp.
4. Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường.
5. Giao tiếp hòa nhã, thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội.
6. Phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
7. Tuyệt đối tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của Chủ tọa

CHƯƠNG II NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Điều 5: Các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và định hướng năm 2018;
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và định hướng năm 2018;
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018;
5. Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2018;
6. Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;
7. Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;

8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông

Điều 6: Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội

Điều hành Đại hội là Đoàn Chủ tịch, gồm có Chủ tọa và các thành viên do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tán thành. Chủ tọa là người chủ trì Đại hội. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
5. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 7: Thư ký Đại hội

Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch và Đại hội là Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Thư ký có nhiệm vụ:

1. Ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của Đại hội.
2. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 8: Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 đến 05 người do HĐQT cử ra và có trách nhiệm:

1. Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội;
2. Kiểm tra tư cách của cổ đông dự họp;
3. Phát phiếu biểu quyết cho cổ đông trong danh sách dự họp trước giờ khai mạc;
4. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9: Ban kiểm phiếu và bầu cử

Ban Kiểm phiếu và bầu cử do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban Kiểm phiếu và bầu cử có trách nhiệm:

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết.
2. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.
3. Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết.
4. Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông.
5. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội. Công bố kết quả biểu quyết.
6. Giao kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho Đoàn Chủ tịch hoặc Thư ký Đại hội.

Điều 10: Các quyền của cổ đông

1. Cổ đông Công ty có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội quy định) cho 01 (một) người đại diện tham dự và phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cho các cổ đông khi đến tham dự Đại hội cần phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND (hoặc Hộ chiếu hoặc Thẻ căn cước), Giấy mời tham dự, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được nhận Phiếu biểu quyết và tham gia biểu quyết.

Cổ đông, đại diện cổ đông tới dự Đại hội muộn, được đăng ký và sau đó có quyền biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Cổ đông được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai thông tin về chương trình Đại hội, được phát tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội và có trách nhiệm:

- (i) Tuân thủ Nội quy Đại hội
- (ii) Phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức.
- (iii) Thảo luận các nội dung báo cáo.
- (iv) Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.
- (v) Chấp hành sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

CHƯƠNG III

THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Điều 11: Thảo luận tại Đại hội

Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa chấp thuận cho phát biểu.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua để đảm bảo Đại hội được tiến hành đúng như chương trình đã thông qua, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

3. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Chủ tọa sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời các ý kiến này.

Điều 12: Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết:

(i) Tất cả các vấn đề trong chương trình Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

(ii) Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

(iii) Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ, Đoàn Chủ tịch Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 02 lần theo trình tự như sau:

+ Lần thứ nhất: Biểu quyết tán thành;

+ Lần thứ hai: Biểu quyết không tán thành.

Mỗi cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (***tán thành hoặc không tán thành***) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

(iv) Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại ĐHĐCĐ thực hiện theo hình thức tính bằng số phiếu biểu quyết. Một (01) cổ phần được quyền biểu quyết khi tham gia biểu quyết được tính bằng một (01) phiếu biểu quyết.

2. Cách biểu quyết:

(i) Khi biểu quyết thông qua từng vấn đề tại Đại hội, các cổ đông/đại diện cổ đông tán thành thì giơ Thẻ biểu quyết lên, mặt trước của thẻ hướng về phía Chủ tọa Đại hội.

(ii) Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông/đại diện cổ đông không tán thành thì giơ Thẻ biểu quyết lên, mặt trước của thẻ hướng về phía Chủ tọa Đại hội.

(iii) Theo từng lần biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết sẽ kiểm đếm tại chỗ số lượng phiếu biểu quyết tương tự của từng cổ đông.

(iv) Sau mỗi lần biểu quyết xong, Chủ tọa Đại hội sẽ thông báo kết quả số lượng hoặc tỷ lệ biểu quyết do Ban kiểm phiếu cung cấp. Mọi khiếu nại, thắc mắc về việc liên quan đến biểu quyết sẽ được giải quyết ngay tại Đại hội.

3. Điều kiện thông qua các vấn đề tại Đại hội:

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 13: Biên bản Đại hội

Các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

LÂM TIẾN DŨNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cần Thơ, tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 6	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
CHƯƠNG III	7
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
CHƯƠNG IV	9
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	9
Điều 6. Vốn điều lệ và cổ phần.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	10
CHƯƠNG V	11
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
CHƯƠNG VI	12
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
CHƯƠNG VII	25
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	33
CHƯƠNG VIII.....	34
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	34
Điều 36. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc	36
Điều 37. Thư ký Công ty.....	37
CHƯƠNG IX.....	37

BAN KIỂM SOÁT	37
Điều 38. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	37
Điều 39. Kiểm soát viên.....	38
Điều 40. Ban kiểm soát	39
CHƯƠNG X	40
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,.....	40
KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC	40
VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	40
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng.....	40
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	40
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
CHƯƠNG XI.....	42
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	42
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	42
CHƯƠNG XII	43
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	43
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	43
CHƯƠNG XIII.....	43
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	43
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	43
CHƯƠNG XIV	44
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH	44
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	44
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	44
Điều 48. Năm tài chính	44
Điều 49. Chế độ kế toán.....	44
CHƯƠNG XV	44
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,	44
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	44
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	44

Điều 51. Báo cáo thường niên.....	45
CHƯƠNG XVI.....	45
KIỂM TOÁN CÔNG TY	45
Điều 52. Kiểm toán	45
CHƯƠNG XVII	46
ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON	46
VÀ CÔNG TY CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY	46
Điều 53. Đơn vị trực thuộc, công ty con và công ty liên kết của Công ty	46
Điều 54. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc.....	46
Điều 55. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết	47
CHƯƠNG XVIII.....	48
CON DẤU	48
Điều 56. Con dấu.....	48
CHƯƠNG XIX.....	48
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	48
Điều 57. Chấm dứt hoạt động	48
Điều 58. Gia hạn hoạt động.....	48
Điều 59. Thanh lý.....	49
CHƯƠNG XX	49
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	49
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	49
CHƯƠNG XXI.....	50
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	50
Điều 61. Điều lệ công ty	50
CHƯƠNG XXII	50
NGÀY HIỆU LỰC	50
Điều 62. Ngày hiệu lực	50

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Công ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty. Điều lệ này được thông qua bởi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2018 ngày tháng 4 năm 2018 (sau đây được gọi là “Điều Lệ”). Điều Lệ này thay thế: (i) Điều Lệ được thông qua bởi các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công Ty tổ chức vào ngày 22 tháng 4 năm 2016, và (ii) Điều Lệ được thông qua bởi các Cổ Đông tại Đại hội đồng Cổ Đông được tổ chức vào ngày 28 tháng 4 năm 2017,

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**
- Tên tiếng Anh : **CANTHO PORT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt tiếng Việt : **CẢNG CẦN THƠ**
- Tên viết tắt tiếng Anh : **CANTHO PORT**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Điện thoại : 02926 516 483
- Fax : 02923 917 395
- E-mail : canthoport.info@gmail.com
- Website : www.canthoport.com.vn

4. Logo của Công ty:



5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty chỉ có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển	5224 (chính)
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.	5210
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa.	5222
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan.	5229
5	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng	4290
7	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	5510
9	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Hoạt động phải đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7830

TT	Tên ngành	Mã ngành
12	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
13	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, xe container	4933
17	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
18	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
19	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Trở thành nhà khai thác cảng chuyên nghiệp hàng đầu tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long và trong cả nước;
- b. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty;
- c. Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ và cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 284.800.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tư tỷ tám trăm triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 28.480.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục ... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Sổ đăng ký cổ đông:

a. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

b. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Các cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số

tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp.

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 38 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự

toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty chi trả hoặc hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ (5%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại

hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp

dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ

60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

l. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

m. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

n. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

q. Quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật.

g. Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

h. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

i. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

j. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

k. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

l. Để tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương.

m. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội

đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này

có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành

trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;

- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f. Tuyển dụng lao động;

g. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương trên cơ sở chấp thuận của Hội đồng quản trị;

i. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác;

j. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

k. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

l. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

m. Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị;

n. Vào 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

o. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

p. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian đang thực hiện chức trách là Tổng giám đốc và trong thời hạn ba (03) năm sau khi thôi làm Tổng giám đốc, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị đương nhiệm chấp thuận.

q. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

s. Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chỉ được ký kết hợp đồng nhân danh Công ty sau khi có nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

3. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế quản lý, điều hành hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt và Tổng giám đốc ký quyết định ban hành theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

5. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 37. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị khi cần thiết có thể chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện các nguyên tắc quản trị Công ty.

4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

6. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

7. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 39. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này

Điều 40. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa

thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

Điều 53. Đơn vị trực thuộc, công ty con và công ty liên kết của Công ty

1. Công ty có thể có các đơn vị trực thuộc, các công ty con và công ty liên kết;
2. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 54. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc

1. Công ty có các đơn vị trực thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: văn phòng đại diện, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và các đơn vị trực thuộc khác; được tổ chức, quản lý theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật; hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Các đơn vị trực thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị trực thuộc-3 thuộc sở hữu của Công ty. Các đơn vị trực thuộc được ký kết các hợp đồng thương mại, thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính, tổ chức quản lý nhân sự và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ, quy chế của Công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị trực thuộc.

3. Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty; có trụ sở, được mở tài khoản, có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

5. Địa điểm kinh doanh của Công ty là nơi tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh cụ thể theo phân cấp của Công ty. Địa điểm kinh doanh của Công ty có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính nhưng phải nằm trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính. Cơ cấu tổ chức, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của địa điểm kinh doanh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định căn cứ theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết

1. Quan hệ với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ (gọi tắt là công ty con):

Công ty là chủ sở hữu công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị thay mặt Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con theo thẩm quyền của mình hoặc theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ được quy định tại Điều lệ của công ty con.

2. Quan hệ với công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành của công ty đó:

Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó;

Công ty quản lý cổ phần, phần vốn góp thông qua một (hoặc nhiều) người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty đó.

3. Quan hệ với công ty liên kết và doanh nghiệp có vốn góp khác:

Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp đó.

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp này theo quy định tại Điều lệ này và điều lệ của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty.

4. Mọi quan hệ giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch mua bán, thuê và cho thuê, vay

mượn và chuyển giao tài sản giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

5. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện của Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp khác phù hợp với Điều lệ này, điều lệ các công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp, Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

CHƯƠNG XVIII CON DẤU

Điều 56. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng

quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

Bản điều lệ này gồm 22 Chương 62 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ biểu quyết thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018,
ngày tháng 6 năm 2018)*

DỰ THẢO

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:
 - a. “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;
 - b. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
 - c. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;
 - d. “Hội đồng quản trị” hoặc “HDQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;
 - đ. “Ban kiểm soát” hoặc “BKS” có nghĩa là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;
 - e. “Người điều hành doanh nghiệp” bao gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
 - f. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
 - g. "UBCKNN" có nghĩa là Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
 - h. "SGDCK" có nghĩa là Sở Giao dịch chứng khoán;
 - i. "TTLKCK" có nghĩa là Trung tâm lưu ký chứng khoán.
2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị nội bộ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực đạo đức về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của người quản lý doanh nghiệp.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông thường niên

Để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Đại hội), Hội đồng quản trị cần thực hiện một số hoạt động sau:

1. Xây dựng nội dung, chương trình Đại hội:

a. Hội đồng quản trị Công ty cần thống nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành Đại hội:

- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- Thành lập Tổ giúp việc, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử);

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp. Sau khi xem xét các kiến nghị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định:

- Từ chối kiến nghị của cổ đông nếu nội dung và thủ tục kiến nghị vi phạm pháp luật hiện hành và quy định của Công ty. Việc Hội đồng quản trị từ chối kiến nghị và lý do từ chối phải được thông báo hoặc gửi văn bản trả lời đến cổ đông đã đưa ra kiến nghị.

- Đưa các kiến nghị hợp lệ vào các nội dung riêng biệt trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Xác định thời gian và địa điểm họp:

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra một năm một lần. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thời điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên là trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty.

b. Hội đồng quản trị sẽ quyết định địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông căn cứ vào số lượng thành viên tham dự và điều kiện tài chính của Công ty.

3. Chuẩn bị Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội:

a. Danh sách này phải được lập trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông. Các thông tin cơ bản về cổ đông:

- Họ và tên;

- Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại;

- Số và ngày đăng ký cổ đông;

- Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có.

b. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

Sau khi chốt Danh sách cổ đông có quyền tham dự, Công ty gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, cụ thể như sau:

a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu liên quan (như Giấy xác nhận tham dự Đại hội, mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội...) phải được gửi bằng phương thức bảo đảm cho tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tại Danh sách cổ đông đã chốt khi triệu tập.

b. Thông tin họp và toàn bộ tài liệu liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin hợp pháp của UBCKNN, SGDCCK và trang thông tin điện tử (website) của Công ty chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo họp và tài liệu kèm theo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư);

c. Thông tin cơ bản trong thông báo mời họp: Tên và địa chỉ Công ty; thời gian và địa điểm họp; tên và địa chỉ thường trú của cổ đông; nội dung chương trình nghị sự; thông

tin về thời gian và địa điểm mà cổ đông có thể nhận được tài liệu họp; bộ phận tiếp nhận thông báo của cổ đông về việc đăng ký dự họp.

d. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

5. Khách mời tham dự cuộc họp (không phải là cổ đông của Công ty):

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể mời một số chủ thể khác không sở hữu cổ phần của Công ty tới tham dự cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.

Điều 5. Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thủ tục đăng ký cổ đông được thực hiện trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định và phải thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Vào ngày tổ chức Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tiến hành đăng ký việc dự họp tại bàn đăng ký và người phụ trách việc đăng ký phải có một bản Danh sách cổ đông có quyền dự họp để đối chiếu, theo dõi và điều chỉnh trong trường hợp có chuyển nhượng cổ phần, thừa kế;

2. Người đăng ký dự họp phải xuất trình Thông báo mời họp, Chứng minh thư/hộ chiếu, giấy tờ chứng minh việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty, nhận thừa kế và giấy ủy quyền (đối với người là đại diện theo ủy quyền của cổ đông). Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Trường hợp, cổ đông có nhiều hơn một người là đại diện theo uỷ quyền tham dự cuộc họp thì trong Giấy uỷ quyền phải ghi rõ số cổ phần được quyền biểu quyết của từng người đại diện theo uỷ quyền;

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7. Sau khi đăng ký dự họp, cổ đông/người được uỷ quyền được phát tài liệu họp và các tài liệu liên quan khác.

Điều 6. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Đại diện lãnh đạo Công ty điều khiển việc chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu và thông qua Nội quy Đại hội.

2. Đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tham dự cuộc họp.

3. Đại hội thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch.

Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

4. Đại hội thông qua Danh sách Ban Thư ký do Đoàn chủ tịch giới thiệu. Ban Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và ủy viên. Thư ký Đại hội phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực diễn biến nội dung buổi làm việc của Đại hội, những vấn đề đã được cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;

- Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn chủ tịch.

5. Đại hội thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu (tối đa 03 người) do Đoàn chủ tịch giới thiệu. Thành viên Ban kiểm phiếu phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau đây:

a. Thành viên Ban kiểm phiếu không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên;

c. Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác bầu cử, bầu cử.

d. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm:

- Trình bày Quy chế bầu cử để Đại hội thông qua, Danh sách đề cử và ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Hướng dẫn sử dụng phiếu bầu cử;

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu và báo cáo về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội một cách trung thực, chính xác. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này được đưa vào phụ lục của báo cáo;

6. Thông qua nội dung chương trình nghị sự

a. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trình bày nội dung chương trình họp tới các đại biểu. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc;

b. Một số nội dung cơ bản trong chương trình nghị sự: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong năm tài chính và phương hướng kinh doanh năm kế tiếp, Báo cáo tài chính trong năm đã được kiểm toán, Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức trong năm tài chính, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Danh sách công ty kiểm toán dự định lựa chọn cho năm kế tiếp;

c. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được kèm theo Thông báo mời họp;

d. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

7. Thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự:

a. Các câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời trực tiếp tại cuộc họp. Trường hợp không thể trả lời trực tiếp tại cuộc họp, Công ty cần có văn bản trả lời cổ đông sau cuộc họp;

b. Người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của cổ đông hoặc phân công nhiệm vụ của Chủ tọa;

c. Chủ tọa được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng với các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp.

8.. Biểu quyết:

a. Mỗi cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số tham dự, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty;

b. Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai, hình thức biểu quyết dưới dạng giơ thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa;

c. Tỷ lệ biểu quyết đạt được quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Trách nhiệm lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thuộc về Thư ký Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và hợp pháp của nội dung biên bản;

b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký Đại hội;

c. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty, gửi đến UBCKNN và SGDCCK trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc;

10. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi Đại hội đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;

b. Kết quả biểu quyết đã được công bố;

c. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

Điều 7. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

a. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;

b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Kết quả giám sát đối với người quản lý doanh nghiệp;

d. Các kế hoạch trong tương lai.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải tối thiểu có các nội dung sau:

a. Kết quả hoạt động giám sát trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành;

b. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

c. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 8. Đại hội cổ đông bất thường

1. Các trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Chuẩn bị họp Đại hội cổ đông bất thường:

a. Trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bao gồm thẩm quyền, thời gian triệu tập được quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Yêu cầu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

- Chủ thể yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không có quyền này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế này có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về đầu tư giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Đề nghị phải lập bằng văn bản và gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính công ty;

- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Danh sách cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, gồm họ và tên (đối với cá nhân), tên và địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân), số cổ phần phổ thông và tỷ lệ sở hữu, ngày và số đăng ký cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông;

- Lý do triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thời gian và địa điểm họp;

- Chữ ký của tất cả cổ đông, nhóm cổ đông triệu tập họp;

* Kèm theo văn bản đề nghị trên là:

- Giấy yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

- Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chương trình họp và các tài liệu phục vụ họp.

e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được yêu cầu hủy bỏ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

3. Trong trường hợp việc yêu cầu hủy bỏ các quyết định của ĐHCĐ xảy ra tranh chấp, việc lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp sẽ tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

4. - Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 10. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

2. Trong trường hợp lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản, Hội đồng quản trị sẽ công bố văn bản hướng dẫn biểu quyết bằng văn bản. Công ty sẽ công bố văn bản này trên website của Công ty và cung cấp miễn phí cho cổ đông khi có yêu cầu.

3. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

5. Nội dung, hình thức phiếu lấy kiến cũng như công tác kiểm phiếu do Hội đồng quản trị chuẩn bị theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 11: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người, bao gồm thành viên chuyên trách và không chuyên trách do Đại hội cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định trong Điều lệ Công ty.

b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban phụ trách các lĩnh vực cụ thể theo nghị quyết của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

Điều 13. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ và tên của ứng viên;
- Họ tên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó;
- Ngày tháng năm sinh và trình độ học vấn của ứng viên;
- Kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên;
- Những vị trí công tác mà ứng viên đã đảm nhiệm trong vòng 5 năm qua;
- Vị trí công tác mà ứng viên đang đảm nhiệm;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp ứng viên đó được tái bổ nhiệm;
- Việc ứng viên được đề cử, đang nắm giữ chức vụ thành viên trong Hội đồng quản trị của các công ty khác;
- Quan hệ của ứng viên với những Người có liên quan, các đối tác kinh doanh chính của Công ty.

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt Danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ của Công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Tiêu chuẩn ứng cử viên Hội đồng quản trị được đánh giá dựa trên các tiêu chí theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 14. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử được xác định theo số phiếu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ số cổ đông thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Năng lực hành vi dân sự hạn chế;
- b. Sức khỏe không đảm bảo;
- c. Do nhu cầu công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- d. Lý do khác được cấp có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm chấp thuận;

đ. Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết, phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Vi phạm một trong những tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị quy định theo pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

b. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

c. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết, phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty xin từ chức phải có văn bản trình bày.

5. Cá nhân đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị được xác định trong các trường hợp sau:

a. Cá nhân được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là đã chết.

b. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tư cách pháp nhân của tổ chức đó chấm dứt;

c. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tư cách làm người đại diện chấm dứt;

d. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

6. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, các trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này, Hội đồng quản trị phải báo cáo, xin ý kiến trong cuộc họp gần nhất, hoặc triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông.

7. Thành viên Hội đồng quản trị sau khi được chấp thuận từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, xác định mất tư cách thành viên, sẽ bị xem xét quy kết trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

8. Việc công bố thông tin liên quan đến sự thay đổi về thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

9. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn một nửa số lượng quy chuẩn tại Điều lệ Công ty, để bầu bổ sung thành viên.

10. Việc thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị của Công ty phải được công bố thông tin trên website của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDK.

Điều 15. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị được xây dựng theo quý, theo các kỳ họp và hàng năm theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu công tác của Công ty.

2. Căn cứ vào nghị quyết, chương trình công tác của Hội đồng quản trị và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 16. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau, các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ tối thiểu mỗi quý một lần. Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp bất thường khi cần thiết như quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại Trụ sở chính của Công ty. Hội đồng quản trị có thể họp tại những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp Hội đồng quản trị, song đối với các cuộc họp thường kỳ phải bao gồm các vấn đề cơ bản sau:

- Báo cáo công việc đã thực hiện giữa hai kỳ họp, kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị trong kỳ tới.

- Báo cáo của Tổng giám đốc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của kỳ vừa qua, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ tới.

- Trưởng ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát và cảnh báo với hoạt động của Công ty.

- Báo cáo của các Tiểu ban chuyên môn.

6. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định song ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội

đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết. Thành viên dự họp không là thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Các thành viên được mời dự họp đều được nhận thông báo mời họp và tài liệu kèm theo.

7. Hình thức cuộc họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện trên phương tiện liên lạc thông tin (như điện thoại....) sẽ áp dụng theo quy định tại khoản 9 Điều 30 Điều lệ Công ty.

8. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp có thể gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến đúng địa chỉ đã đăng ký với công ty của từng thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 17. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua nội dung tài liệu cuộc họp do Bộ máy giúp việc chuẩn bị để gửi đến các thành viên dự họp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều hành cuộc họp theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và tuân thủ các quy định nêu tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

3. Chủ tọa phiên họp là Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền trình bày Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các công việc khác; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề đang được xem xét tại phiên họp. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

4. Thư ký phiên họp phải lập biên bản cuộc họp phản ánh khách quan, trung thực diễn biến cuộc họp và kết luận của cuộc họp. Các điều kiện về nội dung, hình thức của

Biên bản họp HĐQT phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

5. Biên bản cuộc họp phải gửi bản sao cho các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ sau khi kết thúc cuộc họp.

6. Tất cả biên bản phải được lưu vào Sổ biên bản của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 113 Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chịu trách nhiệm lưu Sổ biên bản hoặc ủy quyền cho Bộ phận giúp việc thực hiện.

Điều 18. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được quy định tại các khoản 09, 11 và 13 Điều 30 Điều lệ Công ty theo nguyên tắc đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%) biểu quyết thông qua, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 19. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và gửi các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã được đăng ký của từng thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ lấy ý kiến có thể gửi đến thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử (E-mail). Thư ký Công ty cần lưu gửi bằng chứng xác nhận đã gửi hồ sơ lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; mục đích lấy ý kiến; họ tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị; vấn đề cần lấy ý kiến; phương thức biểu quyết; thời hạn lấy ý kiến.

4. Các cá nhân được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công sẽ tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu.

5. Quyết định được thông qua bằng cách lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên được lấy ý kiến biểu quyết về vấn đề đó. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Phiếu ý kiến đã được thành viên Hội đồng quản trị trả lời và ký xác nhận, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết/quyết định được thông qua và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 20. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc để giúp việc hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Trình tự thành lập và hoạt động của các Tiểu ban

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Tiểu ban, quy chế hoạt động của Tiểu ban tùy vào thời điểm do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Thành phần, nhiệm vụ cụ thể của từng Tiểu ban được quy định chi tiết trong các quyết định thành lập.

CHƯƠNG IV

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 22. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp bao gồm: một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng người điều hành doanh nghiệp phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế của Công ty tại từng thời điểm.

3. Tổng giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất trong nhóm người điều hành doanh nghiệp.

Điều 23. Tiêu chuẩn cơ bản của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp.

c. Không là thành viên Ban kiểm soát Công ty; nhưng có thể là thành viên Hội đồng quản trị Công ty;

d. Không có quan hệ vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột, bố mẹ vợ/chồng đối với người có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh này;

đ. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành, cụ thể:

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp

trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

e. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật phá sản hiện hành, cụ thể:

- Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước mà doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ quản lý ở bất kỳ doanh nghiệp nào có vốn của Nhà nước;

- Người quản lý doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản mà cố ý vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 48 của Luật phá sản hiện hành thì không được làm người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản;

- Không xem xét các tiêu chuẩn trên trong trường hợp doanh nghiệp mà cá nhân đó quản lý bị phá sản vì lý do bất khả kháng.

f. Không đồng thời làm Tổng giám đốc/Giám đốc của doanh nghiệp khác;

g. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên và các kỹ năng tổ chức quản lý;

h. Có kinh nghiệm trong công tác quản lý phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty; khuyến khích các cá nhân có kiến thức chính trị, pháp lý, xã hội;

i. Ưu tiên các cá nhân đã có thành tích tốt trong công tác quản lý, điều hành;

k. Có khả năng giao tiếp, đối nội – đối ngoại tốt; đảm bảo sức khỏe để thực hiện công tác trong nhiệm kỳ;

1. Tuổi bổ nhiệm lần đầu dưới 55 đối với nam, dưới 50 đối với nữ. Trường hợp đặc biệt có thể xem xét về tuổi và phải được sự nhất trí thông qua của Hội đồng quản trị.

2. Các tiêu chuẩn cụ thể về chức danh Phó Tổng giám đốc do Tổng giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Nhưng phải đảm bảo làm rõ một số nội dung cơ bản sau:

a. Tuổi và học vấn của ứng viên;

b. Các vị trí mà ứng viên đã từng đảm nhận trong năm (05) năm gần đây;

c. Các vị trí mà ứng viên đang đảm nhiệm tại thời điểm giới thiệu;

d. Mối quan hệ giữa ứng viên với Công ty và các thành viên trong cấp có thẩm quyền bổ nhiệm;

đ. Môi quan hệ của ứng viên đối với các đối tác lớn, cổ đông lớn của Công ty;

e. Việc từ chối không cung cấp thông tin của ứng viên (nếu có);

Việc lựa chọn ứng viên phải đảm bảo sự phù hợp về mặt chuyên môn, đề cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe để thực hiện công tác trong nhiệm kỳ.

3. Tiêu chuẩn của Kế toán trưởng:

a. Kế toán trưởng là cán bộ nhân viên Công ty:

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ nguyên tắc, chính sách, chế độ kinh tế, tài chính và pháp luật của Nhà nước;

- Phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ đại học trở lên;

- Tuổi bổ nhiệm lần đầu dưới 55 đối với nam, dưới 50 đối với nữ. Trường hợp đặc biệt có thể xem xét về tuổi và phải được sự nhất trí thông qua của Hội đồng quản trị;

- Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm kinh nghiệm thực tế;

- Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Luật Kế toán.

b. Kế toán trưởng được thuê ngoài Công ty:

- Là người đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có Chứng chỉ hành nghề kế toán theo quy định của Luật Kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Chính phủ về Kiểm toán độc lập;

- Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của Bộ Tài chính;

- Có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc có đăng ký hành nghề kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật;

- Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định của Luật Kế toán.

Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Bổ nhiệm:

a. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc Công ty;

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm;

b. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc;

Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng là năm (05) năm;

c. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty quy định tại mục A - Phụ lục Quy chế quản trị Công ty.

2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức:

a. Hội đồng quản trị quyết định miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong các trường hợp sau:

- Năng lực hành vi dân sự hạn chế;
- Sức khỏe không đảm bảo;
- Do nhu cầu công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Các lý do khác được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chấp thuận.

b. Hội đồng quản trị quyết định bãi nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao; không đủ năng lực, uy tín mà theo yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;

- Có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty;
- Các lý do khác gắn với yếu tố chủ quan, là lỗi do cá nhân đó gây nên.

3. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty muốn xin từ chức phải có văn bản gửi về Hội đồng quản trị Công ty ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày làm việc.

4. Kéo dài thời hạn giữ chức vụ quản lý hoặc tái bổ nhiệm:

a. Trường hợp cá nhân không còn đủ năm (05) năm công tác là đến thời điểm nghỉ hưu thì:

- Cá nhân sẽ được Công ty xem xét tái bổ nhiệm nếu còn từ đủ ít nhất ba (03) năm công tác cho đến thời điểm nghỉ hưu;

- Các trường hợp còn lại, cá nhân sẽ được Công ty xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ.

b. Việc kéo dài thời hạn giữ chức vụ quản lý hoặc tái bổ nhiệm phải dựa trên các điều kiện cơ bản sau đây:

- Nhu cầu của Công ty trong điều hành, quản lý;
- Năng lực và thành tích của cá nhân trong nhiệm kỳ;
- Được sự đồng ý chấp thuận của Hội đồng quản trị.

5. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được quy định tại mục B - Phụ lục Quy chế quản trị Công ty.

6. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức đối với người điều hành doanh nghiệp phải được công bố thông tin trên website của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCCK.

Điều 25. Thuê Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tổng giám đốc:

a. Việc thuê người làm Tổng giám đốc phải do Hội đồng quản trị quyết định;

b. Ứng viên được thuê làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 23 Quy chế này;

c. Chi phí thuê người làm Tổng giám đốc theo thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ ký trực tiếp với cá nhân đó;

d. Trong trường hợp người được thuê vi phạm các quy định trong hợp đồng thì bị chấm dứt hợp đồng. Thủ tục chấm dứt hợp đồng thuê người làm Tổng giám đốc thực hiện như thủ tục ký hợp đồng;

2. Kế toán trưởng:

a. Việc thuê người làm Kế toán trưởng phải do Hội đồng quản trị quyết định;

b. Tiêu chuẩn ứng viên được thuê làm Kế toán trưởng được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Quy chế này.

c. Chi phí thuê người làm Kế toán trưởng theo thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ với doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán hoặc trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ với người được thuê có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán.

d. Trong trường hợp người được thuê vi phạm các quy định trong hợp đồng thì bị chấm dứt hợp đồng. Thủ tục chấm dứt hợp đồng thuê người làm Kế toán trưởng thực hiện như thủ tục ký hợp đồng thuê người làm kế toán trưởng với doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán hoặc với người trực tiếp được thuê.

Điều 26. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 35 của Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

a. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b. Tổng giám đốc phải điều hành Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty;

c. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế Quản lý tài chính của Công ty và pháp luật hiện hành.

đ. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt các quy chế hoạt động, quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty;

e. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

f. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp tại doanh nghiệp khác;

g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh - đơn vị trực thuộc, các chức danh Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương trên cơ sở chấp thuận của Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc xây dựng, ban hành các quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký/chấm dứt đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với các chức danh Giám đốc/Phó giám đốc chi nhánh - đơn vị trực thuộc, các chức danh Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương để báo cáo Hội đồng quản trị.

h. Kiến nghị số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp;

i. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần thuê;

k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

l. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

m. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

n. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

o. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy định khác của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động và pháp luật hiện hành.

p. Tổng giám đốc có quyền, có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc để triển khai nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị kịp thời, đúng đắn.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Tổng giám đốc

a. Giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng giám đốc;

b. Chủ động và tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về hiệu quả các hoạt động.

c. Theo ủy quyền bằng văn bản của Tổng giám đốc phù hợp với từng giai đoạn và phân cấp công việc.

d. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Tổng giám đốc về tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

e. Các Phó Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có quyền kiến nghị với Tổng giám đốc những điểm chưa phù hợp. Trường hợp Tổng giám đốc không điều chỉnh, vẫn phải thực hiện theo ý kiến của Tổng giám đốc nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm giải trình với Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kế toán trưởng:

a. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của Công ty.

b. Tham mưu công tác tài chính cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

c. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty;

d. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và phù hợp với quy định của Công ty;

đ. Lập Báo cáo tài chính, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt định kỳ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công ty;

e. Báo cáo bằng văn bản cho Tổng giám đốc khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong Công ty;

f. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng;

g. Tham mưu cho Tổng giám đốc xây dựng Quy chế quản lý tài chính của Công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt, xây dựng các quy định nội bộ về tài chính trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

h. Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

i. Có ý kiến bằng văn bản với Tổng giám đốc Công ty về việc tuyển dụng, thuyên chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ;

k. Yêu cầu các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của Kế toán trưởng.

CHƯƠNG V

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 27. Nguyên tắc phối hợp công tác

1. Việc phối hợp công tác của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác của Công ty cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

a. Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của Công ty.

b. Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

c. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.

d. Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn khi phát sinh.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba để phối hợp giải quyết hiệu quả.

3. - Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT.

a.- Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b.- Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

Điều 28. Thủ tục, trình tự triệu tập, tiến hành cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định song ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác (Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng/ban/trung tâm chuyên môn, lãnh đạo các chi nhánh có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến) tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

3. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp. Tổng giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì.

Điều 29. Thông báo chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty (không là thành viên HĐQT) đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 30. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

3. Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị khi có yêu cầu.

4. Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

5. Định kỳ hàng quý, sáu (06) tháng, hàng năm, Tổng giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị, cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

6. Báo cáo Hội đồng quản trị về nội dung Bản dự toán hàng năm (gồm bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến).

7. Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo Điều lệ Công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời hạn báo cáo không chậm hơn hai tư (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

Điều 31. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các thành viên ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.

5. Hội đồng quản trị đảm bảo thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, các thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Phối hợp khác

Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp và người điều hành khác của Công ty tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ

chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đi công tác nước ngoài phải có chương trình cụ thể, báo cáo và được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản. Tuỳ theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên Công ty có liên quan cùng tham gia.

CHƯƠNG VI

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT,

Điều 33. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý doanh nghiệp

1. Việc đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý doanh nghiệp được thực hiện hàng năm.

2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:

a. Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b. Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;

c. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm;

d. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét người quản lý doanh nghiệp do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.

3. Phòng Tổ chức Hành chính kết hợp với Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.

Điều 34. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật:

a. Vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ, đạo đức và văn hóa giao tiếp trong thực hiện công việc theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy định của Công ty.

b. Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật:

a. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép.

b. Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

c. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

3. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật:

a. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm.

b. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Các hình thức kỷ luật áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người quản lý doanh nghiệp:

a. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với cá nhân có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Có thái độ làm việc thiếu hợp tác trong công việc;
- Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng;
- Gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Sử dụng tài sản Công ty không đúng với chức năng, quyền hạn được phân công.

b. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với cá nhân có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Sử dụng thông tin, tài liệu của Công ty để vụ lợi nhưng chưa gây ra thiệt hại nghiêm trọng;

- Vi phạm các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí các quy định khác của pháp luật liên quan nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cá nhân đã bị áp dụng hình thức kỷ luật đến lần thứ hai mà vẫn còn tái phạm thì sẽ bị xem xét chuyển sang hình thức kỷ luật cao hơn.

c. Bãi nhiệm là việc cá nhân không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ khi có các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của Công ty gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty;

d. Cách chức là việc cá nhân không được tiếp giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm khi có các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của Công ty gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.

5. Miễn nhiệm:

Miễn nhiệm là việc cá nhân được thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm vì những lý do khách quan, không do lỗi của cá nhân. Miễn nhiệm không bị coi là hình thức xử lý kỷ luật.

Điều 35. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị xem xét kỷ luật khi có

hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 36. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 37. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc:

a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b. Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật nhà nước về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

2. Khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý doanh nghiệp:

a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách của Công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b. Kỷ luật: Người quản lý doanh nghiệp của Công ty có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và Công ty quy định sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Trách nhiệm về thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

CHƯƠNG VII
QUY TRÌNH BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, CÁCH CHỨC,
CHẤP THUẬN TỪ CHỨC ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH TỔNG
GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Điều 39. Quy trình bổ nhiệm đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Bước 1:

- Hội đồng quản trị xây dựng chủ trương bổ nhiệm đối với chức danh Tổng giám đốc;
- Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất bổ nhiệm đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Bước 2: Những người đại diện phần vốn ("Người đại diện") xin ý kiến của chủ sở hữu về chủ trương bổ nhiệm đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Bước 3: Sau khi có ý kiến chấp thuận của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị lấy ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty về chủ trương bổ nhiệm các chức danh nêu trên.

Bước 4: Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc giao cho bộ phận tham mưu chuẩn bị nội dung về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và cách làm về công tác nhân sự theo quy định hiện hành để trình Hội đồng quản trị xem xét.

Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng” thảo luận thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, quy trình giới thiệu nguồn nhân sự và công việc liên quan. Trên cơ sở đã thống nhất, tiến hành lấy phiếu và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Kết quả kiểm phiếu **không** công bố tại hội nghị này.

(Nguyên tắc lựa chọn: Đồng chí nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% tổng số phiếu thì được lựa chọn. Trường hợp không có đồng chí nào đạt trên 50% tổng số phiếu giới thiệu thì chọn 02 đồng chí có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu cho mỗi chức danh ở cách bước tiếp theo).

Bước 6: Tập thể lãnh đạo xem xét kết quả giới thiệu nguồn nhân sự của Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng” và thảo luận giới thiệu nguồn nhân sự bằng phiếu kín. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này.

(Trường hợp nếu kết quả giới thiệu của hội nghị tập thể lãnh đạo khác với kết quả phát hiện giới thiệu nguồn nhân sự của hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng” thì báo cáo, giải trình rõ với cấp có thẩm quyền bổ nhiệm để xem xét, cho ý kiến trước khi tiến hành các bước tiếp theo).

Bước 7: Hội nghị nghe báo cáo về nhân sự được bổ nhiệm và thảo luận các vấn đề khác có liên quan. Tổ chức lấy ý kiến bằng phiếu kín của Ban Thường vụ Đảng ủy. Kết quả kiểm phiếu **không** công bố tại hội nghị này.

Bước 8: Tập thể lãnh đạo thảo luận kết quả lấy ý kiến của các hội nghị trước đó và biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín.

Bước 9: Người đại diện có văn bản trình chủ sở hữu kết quả lấy phiếu tín nhiệm và danh sách đã thống nhất với Ban Thường vụ Đảng ủy về nhân sự cụ thể để bổ nhiệm.

Bước 10: Sau khi chủ sở hữu có văn bản chấp thuận, Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết, quyết định.

Điều 40. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Bước 1:

- Hội đồng quản trị xây dựng chủ trương miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức đối với chức danh Tổng giám đốc;

- Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Bước 2: Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc giao cho bộ phận giúp việc hoàn thiện hồ sơ nhân sự có liên quan, trình Hội đồng quản trị xem xét.

Bước 3: Hội đồng quản trị lấy ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty.

Bước 4: Những người đại diện báo cáo chủ sở hữu về chủ trương miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng (có hồ sơ nhân sự đính kèm).

Bước 5: Sau khi có ý kiến của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị tiến hành họp và ra nghị quyết/quyết định.

Điều 41. Hồ sơ nhân sự đính kèm đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Sơ yếu lý lịch cán bộ, công chức mẫu 2C-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, có dán ảnh cỡ 4x6 cm (ảnh chụp trong thời hạn 03 tháng tính đến thời điểm lập hồ sơ) được cơ quan quản lý xác nhận;

2. Bản tự nhận xét, đánh giá quá trình công tác;

3. Bản nhận xét của tập thể lãnh đạo Công ty (về ưu điểm, khuyết điểm);

4. Bản nhận xét (đồng hay không đồng ý) của cấp ủy Đảng có kết quả phiếu tín nhiệm;

5. Biên bản tổng hợp (kiểm phiếu) cuộc họp Hội đồng quản trị;

6. Bản nhận xét của cấp ủy hoặc chính quyền nơi cư trú theo quy định;

7. Bản kê khai tài sản;

8. Bản kê khai nguồn cho con đi học nước ngoài (nếu có);

9. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (chứng thực hoặc công chứng).

CHƯƠNG VIII
THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản trị của Công ty, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 43. Hiệu lực

Quy chế này gồm 08 chương và 43 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ nhất trí thông qua và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế kể từ ngày/...../2018.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH